



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ





BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

Tài liệu tập huấn
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2021

Nhóm cố vấn nội dung:

PGS.TS. Lê Quốc Thanh⁽¹⁾
PGS.TS. Đào Thế Anh⁽²⁾
TS. Nguyễn Việt Khoa⁽¹⁾
TS. Trịnh Văn Tuấn⁽³⁾
ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền⁽¹⁾

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

ThS. Lê Thủy Ngân⁽³⁾
KS. Nguyễn Thị Phương⁽³⁾
KS. Trương Khánh Tấn⁽³⁾
KS. Lê Tiến Vỹ⁽³⁾

Nhóm tác giả:

TS. Hoàng Xuân Trường⁽³⁾ - Chủ biên
ThS. Phạm Thị Hạnh Thơ⁽³⁾
TS. Phạm Công Nghiệp⁽³⁾

Thiết kế và biên tập nội dung:

ThS. Hoàng Thị Tuyết Nhung

⁽¹⁾ Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

⁽²⁾ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

⁽³⁾ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hệ thống nông nghiệp

LỜI NÓI ĐẦU

Xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) đang được nhiều nước quan tâm, trong đó có Việt Nam. Bằng chứng là ngày càng có nhiều mô hình sản xuất kinh doanh nông sản hữu cơ với đa dạng các sản phẩm. Về phía Nhà nước, tháng 6 năm 2020 Thủ tướng cũng đã ban hành đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030. Tuy nhiên, trên thực tế sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở nước ta còn nhiều hạn chế, bất cập, nhất là trong việc xây dựng thương hiệu nông sản và các chuỗi giá trị hữu cơ khép kín. Bên cạnh đó việc hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về sản phẩm hữu cơ, hài hòa với quốc tế vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện.

Có nhiều cách hiểu và tiếp cận để phát triển một nền nông nghiệp hữu cơ khác nhau. Một số chỉ chú trọng vào quy trình sản xuất ra sản phẩm hữu cơ và thiếu đi sự quan tâm tới các yếu tố như năng lực tổ chức sản xuất, quản lý chuỗi, tính được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nông sản hữu cơ, sự hiểu biết về thị trường và đặc biệt là các bài học kinh nghiệm từ các mô hình thành công hay thất bại trước đó. Bởi vậy, mục đích của cuốn tài liệu này sẽ trang bị thêm những kiến thức trên cho mọi đối tượng quan tâm tới lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam, đặc biệt là mạng lưới cán bộ khuyến nông viên cơ sở, những người trực tiếp giúp người dân, tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) và Doanh nghiệp muốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hữu cơ. Ngoài ra, từ những bài học kinh nghiệm thành công của một số mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ thực tế, đó có thể là nguồn động lực, cảm hứng, niềm tin cho mọi người mạnh dạn, tự tin thay đổi chuyển hướng sang phương thức sản xuất thuận tiện với nhiều lợi ích này.

Cuốn tài liệu gồm 5 nội dung đã được thiết kế và biên tập một cách ngắn gọn cô đọng dễ hiểu dễ nhớ thông qua 5 bài học:

Bài 1. Tổng quan về nông nghiệp hữu cơ

Bài 2. Tiêu chuẩn, hệ thống quản lý và quy trình chứng nhận sản phẩm hữu cơ

Bài 3. Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

Bài 4. Hiệu quả sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Bài 5. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam

Quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ là phải minh bạch thông tin, ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, tuân thủ quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và phân phối để đảm bảo chất lượng và tạo được niềm tin ở người tiêu dùng.

Việc phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, bền vững và có hiệu quả rất cần sự chung tay vào cuộc của các cấp các ngành và đặc biệt là hệ thống cán bộ khuyến nông cơ sở.

Thay mặt cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, xin trân trọng cảm ơn các chuyên gia, các HTX, doanh nghiệp... đã cùng chúng tôi xây dựng nên cuốn tài liệu này. Trong quá trình biên soạn, không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được các góp ý, bổ sung để tài liệu được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

1. HIỆN TRẠNG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Thế giới

Năm 1999: 11 triệu ha

Năm 2019: tăng lên 72,3 triệu ha.

Ngoài ra, một số diện tích khác như đất mặt nước, đất rừng, nuôi ong, đồng cỏ,... cũng được sử dụng để sản xuất hữu cơ, cộng gộp với tất cả diện tích đất trên, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ là 107,4 triệu ha.

Đứng đầu là Úc với 35,7 triệu ha.

Việt Nam

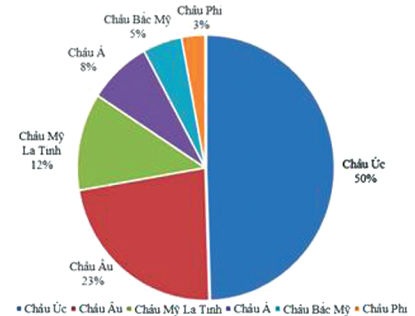
Những năm 2000 bắt đầu có mô hình sản xuất hữu cơ của (ADDA).

Từ năm 2010 đến 2016, tăng từ khoảng 19 nghìn ha lên hơn 53 nghìn ha.

Thủy sản hữu cơ tăng đáng kể từ hơn 11 nghìn ha lên hơn 58 nghìn ha.

Năm 2021 tăng lên 240 nghìn ha. Kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm hữu cơ đã đạt khoảng 335 triệu USD, được tiêu thụ ở nhiều nước trên thế giới, vào được thị trường khó tính như: Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...

PHÂN BỐ DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN THẾ GIỚI
NĂM 2019



Nguồn: Điều tra bởi FiBL, 2021

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

- Tính đến năm 2020 có 186/204 quốc gia và vùng lãnh thổ được IFOAM công nhận là có một bộ phận nhất định nền nông nghiệp được sản xuất theo hướng hữu cơ. Việt Nam là một trong số 100 nước đầu tiên được quốc tế công nhận là nước có sản xuất nông nghiệp hữu cơ (NNHC).

- Việt Nam xếp thứ 32 thế giới với 237 nghìn ha đất hữu cơ (chiếm khoảng 1,1% tổng diện tích đất nông nghiệp), thứ 2 Đông Nam Á sau Indonesia.

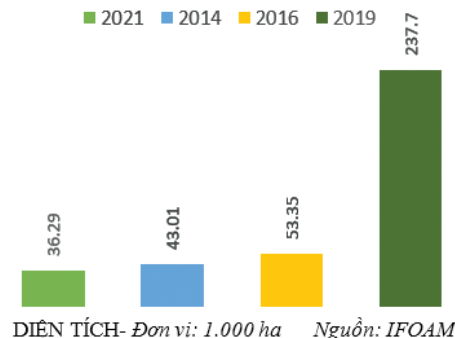
- Tỷ lệ tăng trưởng diện tích hữu cơ toàn thế giới giai đoạn 2015 - 2020 ước đạt 3,05% (dữ liệu từ 186 quốc gia). Việt Nam là một trong bốn quốc gia dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng đất hữu cơ.

- Năm 2018, tổng thị trường sản phẩm hữu cơ của Việt Nam đạt gần 400 triệu USD, đứng thứ 59 thế giới.

- Việt Nam có 60 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu sản phẩm hữu cơ với kim ngạch khoảng 335 triệu USD/năm, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đã xuất khẩu đi 180 nước trên thế giới.

- Tại Việt Nam, theo số liệu của Bộ NN&PTNT, cả nước có trên 200 hợp tác xã, 97 doanh nghiệp tham gia sản xuất NNHC, thu hút khoảng 25.000 lao động. Ngoài ra, có 17.168 nông dân tự sản xuất theo hướng hữu cơ. Hiện có 40 tỉnh, thành có trồng trọt hữu cơ với các cây trồng chủ yếu cây ăn quả, rau, chè..., 15 tỉnh có chăn nuôi heo hữu cơ với quy mô 75 ngàn con, 9 tỉnh có chăn nuôi gà hữu cơ với quy mô trên 500 nghìn con, 4 tỉnh có chăn nuôi bò hữu cơ với khoảng gần 5.000 con.

DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012 - 2019



2. KHÁI NIỆM VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



Liên đoàn Quốc tế về
các Phong trào
Nông nghiệp Hữu cơ



Tổ chức Lương thực và
Nông nghiệp Thế giới



Có nhiều khái niệm về Nông nghiệp hữu cơ như của tổ chức FAO, IFOAM, Bộ Khoa học và Công nghệ. Chúng ta có thể ghi nhớ ngắn gọn về khái niệm nông nghiệp hữu cơ như sau:

- Là hệ thống toàn diện đảm bảo sức khỏe của đất, hệ sinh thái, con người;
- Thực hành coi trọng chu trình tự nhiên thích hợp theo địa phương;
- Ưu tiên sử dụng đầu vào tự nhiên thay cho sử dụng đầu vào tổng hợp như phân bón, thuốc trừ sâu, các loại hóa chất có thể đem lại những tác động bất lợi.

3. NGUYÊN TẮC CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Nông nghiệp hữu cơ tuân thủ theo các nguyên tắc và logic của thực thể sống bao gồm các yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau (yếu tố đất, thực vật, vật nuôi, côn trùng, người nông dân và điều kiện địa phương nơi họ sinh sống) (FAO, 2015).

NGUYÊN TẮC VỀ SỨC KHỎE

Nông nghiệp hữu cơ cần duy trì và tăng cường sức khỏe của đất, cây trồng, động vật, con người và hành tinh này là một thể thống nhất không thể phân chia tách rời.

Nguyên tắc này chỉ ra rằng sức khỏe của các cá nhân và cộng đồng không thể tách rời khỏi sức khỏe của hệ sinh thái. “Sức khỏe” ở đây được hiểu theo nghĩa của tổng thể và toàn vẹn của các hệ thống sống.

Vai trò của nông nghiệp hữu cơ là duy trì và nâng cao sức khỏe của hệ sinh thái và sinh vật sống từ nhỏ nhất trong đất đến con người.

NGUYÊN TẮC SINH THÁI

Nông nghiệp hữu cơ phải dựa trên cơ sở các hệ thống và chu trình sinh thái sống động, cùng làm việc, cạnh tranh và duy trì lẫn nhau.

Quá trình sản xuất phải dựa trên các quá trình sinh thái và tái sinh.
Sự nuôi dưỡng và phát triển phải thông qua hệ sinh thái của môi trường sản xuất cụ thể.

Các hệ thống canh tác hữu cơ, đồng cỏ và thu hái tự nhiên phải phù hợp với các chu kỳ và sự cân bằng sinh thái trong tự nhiên.

Những người sản xuất, chế biến, buôn bán hoặc tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ cần bảo vệ và mang lại lợi ích cho môi trường chung bao gồm cảnh quan, khí hậu, môi trường sống, đa dạng sinh học, không khí và nước.

NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG

Nông nghiệp hữu cơ cần được xây dựng dựa trên các mối quan hệ đảm bảo sự công bằng liên quan đến môi trường chung và cơ hội của cuộc sống.

Các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên sản xuất và sử dụng cần phải được quản lý theo cách đảm bảo về mặt xã hội và sinh thái và sự tin tưởng cho thế hệ tương lai

Mọi thứ liên quan đến nông nghiệp hữu cơ cần đảm bảo các mối quan hệ giữa con người, đảm bảo sự công bằng ở tất cả các cấp độ và cho tất cả các bên tham gia

Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng động vật phải được nuôi trong các điều kiện và có các cơ hội sống phù hợp với sinh lý, tập tính tự nhiên và sự sinh trưởng của chúng

Cần đem lại cho tất cả mọi người tham gia có được cuộc sống tốt, góp phần trong đảm bảo quyền về lương thực và xóa đói giảm nghèo

NGUYÊN TẮC CẦN TRỌNG

Nông nghiệp hữu cơ cần được quản lý theo phương thức phòng ngừa và có trách nhiệm để bảo vệ môi trường, sức khỏe và sự phát triển của thế hệ hiện tại và tương lai.

Áp dụng các thực hành nông nghiệp hữu cơ có khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không được tạo ra các rủi ro cho sức khỏe và sự phát triển chung. Do đó, cần phải xem xét và đánh giá những phương pháp hiện đang áp dụng và công nghệ mới.

Nguyên tắc này chỉ ra rằng sự thận trọng và trách nhiệm là rất quan trọng trong quản lý, phát triển và lựa chọn công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ. Khoa học là cần thiết để đảm bảo rằng nông nghiệp hữu cơ là lành mạnh, an toàn và đảm bảo về sinh thái.

Nông nghiệp hữu cơ nên ngăn ngừa các rủi ro một cách hữu hiệu thông qua áp dụng công nghệ phù hợp và từ chối áp dụng các công nghệ khó lường trước được rủi ro như kỹ thuật di truyền. Các quyết định phải phản ánh các giá trị và nhu cầu của tất cả những người có thể bị ảnh hưởng, thông qua quy trình minh bạch và có sự tham gia của các bên.

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

NGUYÊN TẮC CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ THEO TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

Việt Nam đã đưa ra các nguyên tắc của nông nghiệp hữu cơ trong bộ Tiêu chuẩn Quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành năm 2017 (TCVN 11041:2017) như sau:

- a) Áp dụng quản lý hữu cơ trong dài hạn, bền vững, theo hướng sinh thái và có tính hệ thống.
- b) Đảm bảo độ phì của đất trong dài hạn và dựa trên đặc tính sinh học của đất.
- c) Giảm thiểu đầu vào là chất tổng hợp trong mọi giai đoạn của chuỗi sản xuất hữu cơ, sự phơi nhiễm của con người và môi trường với các hóa chất hoặc có nguy cơ gây hại.
- d) Giảm thiểu gây ô nhiễm từ hoạt động sản xuất, chế biến đến môi trường xung quanh.
- e) Hệ thống hữu cơ không sử dụng các công nghệ phi tự nhiên (ví dụ: các sản phẩm từ kỹ thuật biến đổi gen, công nghệ chiếu xạ...).
- f) Tránh bị ô nhiễm từ môi trường xung quanh.
- g) Duy trì tính chất hữu cơ trong suốt chuỗi cung ứng (trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối).

Một số điểm cần ghi nhớ về nguyên tắc chung của nông nghiệp hữu cơ và nguyên tắc áp dụng ở Việt Nam

Đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển tốt của cả hệ sinh thái và sức khỏe tổng thể bao gồm con người và các sinh vật cùng sinh sống.

Cẩn trọng trong lựa chọn đầu vào và công nghệ phù hợp không gây hại.

Quy trình sản xuất phải thân thiện với môi trường và gắn gũi với con người.

Sản phẩm hữu cơ phải được duy trì tính chất hữu cơ ở tất cả các khâu từ sản xuất tới tiêu dùng.

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

4. LỢI ÍCH CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

LỢI ÍCH VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lợi ích về kinh tế

Giúp cho người sản xuất có khả năng đa dạng hóa và tăng thêm thu nhập thông qua việc kết hợp trồng trọt chăn nuôi; tiết kiệm đầu vào và chi phí cho dịch vụ.

Việc trồng các loại cây ngắn ngày, dài ngày, kết hợp cả cây lâm nghiệp và lương thực cũng góp phần đa dạng hóa thu nhập hay còn gọi là chiến lược “lấy ngắn nuôi dài”.

Lợi ích về xã hội

Quá trình cùng nhau tổ chức và áp dụng các thực thành sản xuất đã làm cho những hộ nông dân có cơ hội trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và cả trong các hoạt động cộng đồng và cuộc sống.

Lợi ích về sinh thái

- Tăng cường đa dạng sinh học trong toàn bộ hệ thống.
- Đảm bảo sức khỏe của đất và hệ sinh thái đất.
- Lợi ích trong quản lý các nguồn lực tự nhiên.
- Lợi ích về môi trường đất, nước và không khí cũng như giảm thiểu tất cả các hình thức gây ô nhiễm có thể xảy ra do các thực hành của sản xuất nông nghiệp.

LỢI ÍCH TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA ĐỊA PHƯƠNG

- Việc hình thành và phát triển các hình thức sản xuất hữu cơ không hoàn toàn là đầu tư xây dựng mới mà dựa trên những trang trại hiện đang hoạt động, chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ.
- Vì vậy, nếu các trang trại có định hướng chuyển đổi, địa phương có thể lên kế hoạch phát triển trên cơ sở sự tham gia của các trang trại này mà không phải là kế hoạch xây dựng hoàn toàn mới có thể gây tốn kém và ít khả thi (FAO, 2015).

LỢI ÍCH TRONG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- *Một trong những lợi ích được đánh giá có tầm quan trọng bậc nhất hiện nay của nông nghiệp hữu cơ là góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu*
- Hệ thống nông nghiệp hữu cơ có tính toán tới việc làm sao quản lý tốt nhất các chất dinh dưỡng của đất nên giảm phát thải khí N_2O từ đất gây hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng lên.
- Giảm phát thải khí CO_2 do cấu trúc đất được cải thiện và nhiều cây che phủ hơn.
- Việc đa dạng hóa các hình thức sản xuất của nông nghiệp hữu cơ cũng góp phần làm hệ thống này ứng phó tốt hơn với những rủi ro của dịch bệnh.
- Nông nghiệp hữu cơ được hình thành từ kiến thức truyền thống, phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương; vì vậy được xem là chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu hiệu quả.
- Những giống cây trồng sử dụng trong nông nghiệp hữu cơ là những loài có khả năng thích ứng tốt với môi trường ở địa phương như chống chịu tốt với sự khó khăn về nguồn nước.

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN GHI NHỚ VỀ LỢI ÍCH CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ:

Lợi ích cho hệ thống sản xuất được quản lý hiệu quả và bền vững lâu dài, trong đó môi trường đất được quan tâm.

Lợi ích của sự đa dạng và phát triển bền vững của hệ sinh thái chung là môi trường sống lành mạnh của con người và các thực thể sống khác.

Bảo toàn các lợi ích từ các đặc tính cốt lõi của thực phẩm hữu cơ.

Quản lý nguồn lực và phát triển địa phương.

Đóng góp cho chiến lược phát triển bền vững của địa phương.

Tiềm năng trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Lợi ích cho hiện tại và cả thế hệ tương lai

5. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI VIỆT NAM

CƠ HỘI TIẾP CẬN VỚI CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

- **2006:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Tiêu chuẩn ngành 10TCN 602:2006 về Hữu cơ - Tiêu chuẩn về sản xuất nông nghiệp hữu cơ và chế biến.
- **2008:** Việt Nam trở thành thành viên của IFOAM, hệ thống tổ chức chứng nhận và quản lý tiêu chuẩn hữu cơ Participatory Guarantee Systems (PGS) ở Việt Nam được chính thức thành lập.
- **2011:** Hiệp hội Nông nghiệp Hữu cơ Việt Nam được thành lập.
- **2016:** Quốc hội ban hành Nghị quyết 32/2016/QH trong đó xác định hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ để nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế.
- **2020:** Thủ tướng ban hành quyết định Số: 885/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

CƠ HỘI TIẾP CẬN CÁC THỊ TRƯỜNG CÓ GIÁ TRỊ CAO

01



• Hiệp định TPP

Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ năm 2019. Nhu cầu về sản phẩm hữu cơ không ngừng tăng lên trên thế giới.

02



• Trong nước

Cơ hội thị trường trong nước cũng đang có tiềm năng lớn với các sản phẩm hữu cơ vì người tiêu dùng ngày càng quan tâm, ưa thích các sản phẩm này và sẵn sàng chi trả với giá cao hơn để sử dụng sản phẩm hữu cơ.

03



• Bán lẻ

Trên thị trường bán lẻ, sản phẩm hữu cơ đã được bày bán khá phổ biến tại các siêu thị, cửa hàng chuyên biệt, trực tuyến...

CHUỖI GIÁ TRỊ CÁC SẢN PHẨM HỮU CƠ ĐANG ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ KẾT NỐI CÁC CÔNG ĐOẠN TỪ ĐẦU VÀO SẢN XUẤT TỚI THỊ TRƯỜNG

- Chuỗi giá trị các sản phẩm hữu cơ đang được xây dựng và phát triển đồng bộ kết nối các công đoạn từ đầu vào sản xuất tới thị trường.
- Hệ thống cung cấp vật tư đầu vào cho sản xuất hữu cơ đang dần hoàn thiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Nhà nước.

KHUYẾN NÔNG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ ĐANG ĐƯỢC QUAN TÂM Ở VIỆT NAM

- Công tác khuyến nông thời gian gần đây đã và đang xây dựng và phát triển các công cụ phổ biến kiến thức về nông nghiệp hữu cơ.
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cũng là cơ quan được giao nhiệm vụ biên soạn các tài liệu hướng dẫn sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



THÁCH THỨC LIÊN QUAN TỚI KỸ THUẬT

Kỹ thuật sản xuất hữu cơ **cần có sự hướng dẫn cụ thể** theo quy định chung và theo từng chủng loại sản phẩm

Những nhà sản xuất **cần phải được trang bị kiến thức và tuân thủ theo quy trình, quy định** để có thể nhận được chứng nhận

Công tác thanh tra, giám sát và kiểm soát chất lượng còn **nhiều điểm phải cải thiện**

Gặp khó khăn về **lựa chọn các tiêu chuẩn** nào là phù hợp nhất với điều kiện của mình

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

KHÓ KHĂN VỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

Người sản xuất không chỉ đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật sản xuất mà còn phải có kiến thức và kỹ năng về thị trường.

Giá bán của các sản phẩm hữu cơ thường cao hơn vì vậy thị trường cho sản phẩm hữu cơ thường hạn hẹp hơn so với sản phẩm truyền thống, chỉ bao gồm những đối tượng khách hàng có khả năng và sẵn sàng chi trả cho sản phẩm này.

KHÓ KHĂN TRONG ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ KINH TẾ

Chi phí cho sản xuất hữu cơ có thể đỡ tốn kém hơn sản phẩm sử dụng đầu vào là hóa chất do tận dụng các phụ phẩm của các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi để làm phân bón vi sinh.

Tuy nhiên sản phẩm cần có chứng nhận thì chi phí chứng nhận là một khoản đáng kể trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Trong trường hợp nhà sản xuất sản phẩm hữu cơ vẫn phải bán ở thị trường truyền thống, lợi nhuận thu được sẽ bị sụt giảm.

CƠ HỘI CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

- Cơ hội về tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ;
- Cơ hội tiếp cận thị trường;
- Cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm hữu cơ,

THÁCH THỨC CỦA NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

- Trong quá trình chuyển đổi, trong chiến lược chuyển đổi quy mô lớn;
- Thách thức về tuân thủ quy định kỹ thuật và chứng nhận, kiểm soát chất lượng;
- Thách thức về tiếp cận thị trường;
- Thách thức trong đảm bảo lợi ích kinh tế.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đã công bố cơ bản đảm bảo được tính thực tiễn, hội nhập và góp phần đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong nước xuất khẩu ra thị trường khu vực, quốc tế. Bộ tiêu chuẩn Quốc gia về nông nghiệp hữu cơ gồm 8 phần (8 quyển):

- TCVN 11041-1:2017 Nông nghiệp hữu cơ: Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- TCVN 11041-2:2017 Phần 2: Trồng trọt hữu cơ.
- TCVN 11041-3:2017 Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ.
- TCVN 12134:2017 Yêu cầu tổ chức chứng nhận.
- TCVN 11041-5:2018 Phần 5: Gạo hữu cơ.
- TCVN 11041-6:2018 Phần 6: Chè hữu cơ.
- TCVN 11041-7:2018 Phần 7: Sữa hữu cơ.
- TCVN 11041-8:2018 Phần 8: Tôm hữu cơ.

Việt Nam thiếu TCVN về Thủy sản hữu cơ nói chung và trong thời gian tới sẽ được ban hành.

Lưu ý: Cán bộ khuyến nông có thể tìm hiểu sâu hơn về các tiêu chuẩn (TCVN) trong các tài liệu khác đã được ban hành.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

Trong bộ tiêu chuẩn này đã quy định yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi... Các tiêu chuẩn cũng đã đưa ra các nguyên tắc chung về sản xuất hữu cơ tại các doanh nghiệp, trang trại, quy định việc sơ chế, bảo quản, vận chuyển, marketing... và tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống sản xuất và chế biến sản phẩm hữu cơ.

Ngoài bộ tiêu chuẩn Quốc gia về nông nghiệp hữu cơ (TCVN), hiện nay ở nước ta còn có hình thức chứng nhận PGS cho sản phẩm NNHC, hệ thống này đã được áp dụng ở Việt Nam, hiện được dùng chủ yếu cho nông dân sản xuất nhỏ (các tổ, nhóm, HTX...).

PGS là gì?

Là Hệ thống đảm bảo có sự tham gia – PGS (Participatory Guarantee System) hiện đang được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Ấn Độ, Brazil, New Zealand, Argentina, Peru... Hệ thống đảm bảo này dựa vào sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và con người có liên quan trực tiếp vào chuỗi cung cấp hữu cơ, khuyến khích hoặc thậm chí yêu cầu sự tham gia trực tiếp của người nông dân và người tiêu dùng vào quá trình cấp chứng nhận.

PGS chú trọng vào cả hai vấn đề:

- Cung cấp cho người tiêu dùng sự đảm bảo tin cậy về sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ
- PGS giúp tạo nên sự kết nối trực tiếp giữa người mua và người bán.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

1. Quy định về khu vực sản xuất

Khu vực trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ phải được khoanh vùng, phải có vùng đệm hoặc hàng rào vật lý tách biệt với khu vực không sản xuất hữu cơ, cách xa khu vực môi trường bị ô nhiễm hoặc khu tập kết, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện.

2. Quy định chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ

Sản phẩm trong quá trình chuyển đổi không được coi là sản phẩm hữu cơ. Quy định về chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ được quy định như sau:

Chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trong trồng trọt

Giai đoạn chuyển đổi áp dụng trên một phần hoặc toàn bộ diện tích sản xuất phải ít nhất là:

+ Đối với cây hàng năm: 12 tháng cho đến khi gieo hạt hoặc trồng cây;

+ Đối với cây lâu năm: 18 tháng cho đến khi thu hoạch vụ đầu tiên.

Trong các bộ tiêu chuẩn hữu cơ cho các sản phẩm cụ thể (chè, gạo) có quy định riêng về thời gian chuyển đổi có thể được kéo dài hoặc rút ngắn như với chè thời gian chuyển đổi sau khi rút ngắn không ít hơn 6 tháng.

Chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trong chăn nuôi

Quy định này được thể hiện cả ở hai nội dung của chuyển đổi, đó là:

- Chuyển đổi đồng cỏ hoặc vùng đất dự kiến dùng để trồng cây làm thức ăn chăn nuôi: Giai đoạn chuyển đổi này phải phù hợp như chuyển đổi trong trồng trọt hữu cơ;
- Chuyển đổi vật nuôi: Tùy theo các đối tượng vật nuôi cụ thể

3. Quy định với cơ sở sản xuất

Cơ sở sản xuất phải duy trì hệ thống sản xuất hữu cơ. Không được chuyển đổi qua lại giữa sản xuất hữu cơ và sản xuất thông thường, trừ khi có lý do thích hợp để chấm dứt quản lý hữu cơ trên đất đang canh tác hữu cơ và trong những trường hợp yêu cầu chuyển đổi được áp dụng.

Sản xuất riêng rẽ (*split production*) và sản xuất song song: Các vùng đang và đã chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ không được xen lẫn giữa các phương thức sản xuất hữu cơ và phương thức sản xuất không hữu cơ (sản xuất thông thường).

Quản lý hệ sinh thái và đa dạng sinh học: Việc sản xuất hữu cơ không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có tác động tiêu cực đến các khu bảo tồn đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, ví dụ khu bảo tồn động vật hoang dã, rừng đầu nguồn. Sản xuất hữu cơ duy trì hoặc tăng cường đa dạng sinh học đối với các trang trại, trong mùa vụ (khi thích hợp), ở những nơi không phải môi trường sống của cây trồng.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

4. Quy định về phòng ngừa ô nhiễm

- Không sử dụng đầu vào là vật tư tổng hợp
- Không được để người, môi trường xung quanh phơi nhiễm với các hóa chất độc hại Nếu nghi ngờ có sự ô nhiễm, phải nhận diện và giải quyết nguồn gây ô nhiễm.
- Cần phân tích trong trường hợp có nguy cơ cao
- Phải xây dựng và thực hiện kế hoạch để tránh hoặc giảm chất thải và chất ô nhiễm bằng cách tái chế chất thải.
- Chất thải không tái chế được như pin, chất dẻo và các chất khác phải được xử lý đúng cách để tránh làm ô nhiễm trang trại hữu cơ.

5. Quy định về các công nghệ

- Không sử dụng các công nghệ chưa được kiểm chứng và không có lợi cho hệ thống hữu cơ.
- Không sử dụng tất cả các nguyên vật liệu hoặc sản phẩm có nguồn gốc GMO.
- Không sử dụng bức xạ ion hóa (chiếu xạ) để kiểm soát sinh vật gây hại.
- Không sử dụng các vật liệu nano (bao gồm cả các bề mặt tiếp xúc với sản phẩm).

6. Quy định về các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ

Yêu cầu đối với các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ được quy định trong TCVN11041-1-2017.

7. Sơ chế, chế biến

- Nên dùng các phương pháp sơ chế, chế biến cơ học, vật lý hoặc sinh học.
- Không sử dụng nguyên vật liệu hoặc sản phẩm, phụ gia có nguồn gốc GMO.
- Không sử dụng bức xạ ion hóa (chiếu xạ) để kiểm soát sinh vật gây hại, bảo quản thực phẩm và loại bỏ vi sinh vật gây bệnh hoặc vì mục đích vệ sinh.
- Không sử dụng các vật liệu nano trong sơ chế, chế biến sản phẩm NNHC.

Tham khảo thêm phụ lục A của TCVN11041-1-2017.

8. Bao gói

- Nên chọn vật liệu bao gói từ các nguồn có thể phân hủy bằng sinh học, được tái sinh hoặc có thể tái sinh.
- Không sử dụng các vật liệu nano (bao gồm cả các bề mặt tiếp xúc với sản phẩm) để bao gói sản phẩm NNHC.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

9. Ghi nhãn

Sản phẩm đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn hữu cơ mới được ghi nhãn.

a) Nhãn sản phẩm phải liệt kê đầy đủ các thành phần theo thứ tự phần trăm khối lượng và ghi rõ các thành phần đó có “hữu cơ” hay không. Riêng đối với các loại thảo mộc hoặc gia vị chiếm dưới 2% khối lượng sản phẩm thì được ghi là “gia vị” hoặc “thảo mộc”.

b) Nhãn sản phẩm phải có thông tin về nhà sản xuất, đóng gói hoặc phân phối và tên gọi hoặc mã số của tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá hoạt động sản xuất hữu cơ, chế biến sản phẩm hữu cơ có liên quan.

c) Chỉ công bố sản phẩm chế biến là “hữu cơ” khi sản phẩm có chứa ít nhất 95 % thành phần nguyên liệu là hữu cơ (tính theo khối lượng đối với chất rắn hoặc tính theo thể tích đối với chất lỏng, không tính nước và muối).

d) Chỉ công bố sản phẩm chế biến “được sản xuất/chế biến từ các thành phần hữu cơ” khi sản phẩm có chứa ít nhất 70% thành phần nguyên liệu là hữu cơ.

e) Không được ghi nhãn là “hữu cơ” hoặc “được sản xuất/chế biến từ các thành phần hữu cơ” hoặc các cụm từ tương tự, hoặc thực hiện bất kỳ công bố chứng nhận hữu cơ nào đối với sản phẩm

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

có thành phần nguyên liệu hữu cơ nhỏ hơn 70% Tuy nhiên, có thể sử dụng cụm từ “hữu cơ” để mô tả các thành phần nguyên liệu được liệt kê.

f) Nhân sản phẩm phải phân biệt sản phẩm đang chuyển đổi sang sản xuất, chế biến hữu cơ với sản phẩm hữu cơ bằng cách ghi rõ “đang chuyển đổi sang sản xuất/chế biến hữu cơ” hoặc cụm từ tương đương.

10. Bảo quản và vận chuyển

Mức độ nguyên vẹn của sản phẩm phải được duy trì trong suốt quá trình bảo quản, vận chuyển và xử lý bằng cách dùng các biện pháp phòng ngừa sau đây:

a) Sản phẩm được SXHC phải luôn được bảo vệ để khỏi bị lẫn lộn với các sản phẩm không được sản xuất, chế biến theo phương pháp hữu cơ.

b) Sản phẩm được SXHC phải được bảo vệ mọi lúc để khỏi bị tiếp xúc với các vật liệu và các chất không được phép dùng trong NNHC.

Khi bảo quản số lượng lớn sản phẩm hữu cơ, phải tách riêng khỏi các sản phẩm thông thường và phải được nhận biết rõ.

Nơi bảo quản và các công ten nơ vận chuyển sản phẩm hữu cơ phải được làm sạch bằng cách sử dụng các phương pháp và vật liệu được phép dùng trong sản xuất NNHC.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

11. Ghi chép, lưu giữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

Việc lưu giữ hồ sơ nhằm đảm bảo truy xuất được tính toàn vẹn trong toàn bộ hoạt động hữu cơ, khả năng thu hồi sản phẩm.

- a) Mỗi điểm sản xuất riêng biệt được nhận diện bằng tên hoặc mã hiệu.
- b) Cơ sở phải duy trì hồ sơ về việc mua hàng, xử lý, chế biến, kiểm kê hàng tồn kho của tất cả các vật liệu sử dụng cho sản xuất, sơ chế, chế biến cũng như thành phẩm.
- c) Tài liệu, hồ sơ phải nhận diện rõ nguồn, quá trình vận chuyển, sử dụng và kiểm kê các vật liệu phi hữu cơ ở tất cả các khâu sản xuất, chế biến và xử lý.
- d) Hồ sơ, tài liệu và tài khoản phải cho phép truy xuất được nguồn gốc
- e) Các hồ sơ nói trên phải được lưu trữ trong ít nhất 5 năm.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

CÁC ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

| | |
|---|--|
| ĐIỀU KIỆN VÙNG SẢN XUẤT | Khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải đảm bảo cách ly với vùng sản xuất thông thường, khu dân cư và các nguồn gây ô nhiễm khác. Ngoài ra, vùng sản xuất cần thời gian chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ và có nguồn nước đảm bảo. |
| ĐIỀU KIỆN VỀ VẬT TƯ, CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ SẢN XUẤT | Đảm bảo an toàn, có nguồn gốc rõ ràng và có nguồn gốc hữu cơ. Cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cần được bảo quản và dùng riêng, không dùng chung với sản phẩm thông thường khác. |
| NGƯỜI LAO ĐỘNG | Đảm bảo sức khỏe, đã tham gia tập huấn về nông nghiệp hữu cơ và tuân thủ theo đúng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. |
| TỔ CHỨC SẢN XUẤT | Nông dân cần tổ chức liên kết thành các mô hình tổ chức nông dân để hỗ trợ nhau trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng như giảm chi phí chứng nhận và xúc tiến thương mại. |
| THỊ TRƯỜNG | Cần mở rộng hơn nữa thị trường sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, hoàn thiện hệ thống nhận diện sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm... |

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHỨNG NHẬN HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

| CƠ QUAN QUẢN LÝ | TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN | QUẢN LÝ NỘI BỘ |
|---|---|--|
| <p>Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ để cấp mới, cấp lại, cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan cấp và quản lý số đăng ký cho tổ chức chứng nhận.</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo kế hoạch được phê duyệt hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm; Kiểm tra chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thực hiện theo quy định.</p> | <p>Tổ chức chứng nhận hữu cơ phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp phép. Hoạt động của tổ chức chứng nhận là để cấp và giám sát sau khi cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được chấp thuận tại Việt Nam.</p> <p>Đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý theo quy định.</p> | <p>Khách hàng có thể xây dựng hệ thống quản lý nội bộ để quản lý, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động của mình phù hợp với tiêu chuẩn hữu cơ đăng ký chứng nhận.</p> <p>Quản lý nội bộ được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế sản xuất, năng lực của khách hàng.</p> |

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ THEO TCVN

Bước 1: Trao đổi thông tin khách hàng - Mục đích trao đổi thông tin giữa tổ chức chứng nhận và khách hàng nhằm đảm bảo các thông tin được trao đổi trước đó giữa 02 bên thống nhất các tiêu chuẩn.

Bước 2: Đánh giá sơ bộ - Tổ chức chứng nhận phân công chuyên gia trong lĩnh vực tương ứng đánh giá tình trạng thực tế phát hiện ra những điểm yếu và điều chỉnh.

Bước 3 : Đánh giá chính thức, kiểm tra, thẩm định tại thực địa, xác định sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế hiệu quả của hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Bước 4 : Lấy mẫu điển hình và tiến hành thử nghiệm.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ
Giấy chứng nhận hợp chuẩn có hiệu lực trong vòng 03 năm. Hàng năm, tối thiểu 12 tháng, tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá giám sát 01 lần.

TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM PGS

Bước 1: Nông dân liên hệ với nhóm sản xuất để làm thủ tục tham gia nhóm, phải tham gia khóa tập huấn về tiêu chuẩn hữu cơ PGS, hoàn thành và kí Cam Kết để chứng tỏ tự nguyện làm theo tiêu chuẩn cấp chứng nhận PGS.



Bước 2: Liên nhóm sẽ thẩm tra xem Kế hoạch quản lý đồng ruộng của nông dân có được hoàn thành đầy đủ không và sau đó sẽ thông báo cho nhóm sản xuất để tiến hành thanh tra chéo.



Bước 3: Nông dân và đồng ruộng của họ sẽ được thanh tra bởi các thành viên khác trong nhóm sản xuất.



Bước 4: Dựa trên báo cáo thanh tra theo danh mục và các báo cáo khác kiểm tra bản Cam kết của người nông dân. Hội đồng chứng nhận liên nhóm sẽ ra quyết định về tình trạng cấp chứng nhận của các ruộng.



Bước 5: Nhóm điều phối sẽ nhập các thông tin tóm tắt của từng nông dân và gửi giấy chứng nhận có giá trị trong 1 năm kể từ ngày thanh tra. Mỗi giấy chứng nhận của nông dân có ghi số nhận diện (số ID) của từng nông dân



Bước 6: Các khu vực sản xuất của nông dân sẽ được thanh tra lại hàng năm. Giám đốc chứng nhận của liên nhóm sẽ điều khiển tiến trình tái thanh tra.



Bước 7: Tiến trình thanh tra, ra quyết định và phê chuẩn.



Bước 8: Hàng năm, Giám đốc chứng nhận của liên nhóm sẽ chọn ngẫu nhiên khoảng 10% các báo cáo thanh tra để các thành viên của liên nhóm sẽ tái thanh tra.

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ GIÁM SÁT

- Cập nhật và áp dụng các công nghệ mới hiện có để dễ dàng, thuận tiện quản lý giám sát việc thực hành sản xuất các sản phẩm hữu cơ của các hộ nông dân đã đăng ký theo tiêu chuẩn.
- Tất cả các công đoạn từ sản xuất, sơ chế, chế biến bảo quản, phân phối sản phẩm hữu cơ cần được quản lý nghiêm túc, phù hợp để đảm bảo, nâng cao chất lượng của sản phẩm dọc theo chuỗi giá trị.
- Phổ biến, tập huấn đào tạo cho người sản xuất cùng áp dụng các công nghệ mới vào quá trình canh tác, quản lý, thu hái, sơ chế,... các sản phẩm hữu cơ.
- Minh bạch với người tiêu dùng về tiêu chuẩn, chất lượng, phần trăm, hàm lượng hữu cơ thực của sản phẩm chứng nhận.

PHÁT TRIỂN CHUỖ GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

KHÁI NIỆM CHUỖ GIÁ TRỊ

Có nhiều khái niệm về chuỗi giá trị được đưa ra bởi nhiều tổ chức nghiên cứu và phát triển, trong đó có khái niệm về chuỗi giá trị được sử dụng phổ biến nhất là:

“Chuỗi giá trị là toàn bộ các hoạt động cần thiết để đem lại một sản phẩm hay dịch vụ từ khi còn là ý tưởng, thông qua các công đoạn khác nhau từ sản xuất (bao gồm nhiều khâu của quá trình chuyển hóa về mặt vật chất từ những nguyên liệu đầu vào) cho đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng và cả khi loại thải sau quá trình sử dụng”

(Kaplinsky & Morris, 2001).

SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÁT TRIỂN CHUỖ GIÁ TRỊ

“Chuỗi giá trị” được xem như phương pháp tiếp cận tổng hợp toàn diện khác với các phương pháp khác trong nghiên cứu và phát triển. Đó là, khi cân nhắc tới tất cả các khâu của quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa đến người tiêu dùng. Khi áp dụng phương pháp tiếp cận chuỗi giá trị, chúng ta có thể phân tích, cân nhắc được tất cả các lợi ích, cơ hội và cản trở của nông nghiệp hữu cơ.

CÁC PHƯƠNG THỨC GIA TĂNG GIÁ TRỊ CHO SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Cần có hiểu biết cơ bản về các cấp độ sản phẩm để từ đó nhìn nhận các phương thức gia tăng được giá trị của sản phẩm nói chung. Các yếu tố cấu thành nên sản phẩm được thể hiện ở:

Ba cấp độ của sản phẩm



Nguồn: Dựa trên hình vẽ của tác giả Kotler and Armstrong (2001)

Sản phẩm được chứng nhận bởi một tiêu chuẩn hữu cơ có nghĩa sản phẩm đã đạt được cấp độ một và cấp độ hai.

Nên áp dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và thương mại như Blockchain, QR code cho phép nhà sản xuất cung cấp thông tin đầy đủ minh bạch về quá trình sản xuất, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm hữu cơ.

Tham gia dự thi OCOP (One Commune One Product - mỗi xã một sản phẩm) đối với các sản phẩm hữu cơ đặc trưng gắn liền với địa phương, mang bản sắc của địa phương để có cơ hội được gắn nhãn OCOP, cải thiện các giá trị bên ngoài của sản phẩm như bao bì, nhãn mác, thiết kế kiểu dáng, truy suất nguồn gốc, bảo vệ môi trường

Cấp độ ba: tư vấn, chăm sóc khách hàng, giảm giá, có quà tặng, miễn phí vận chuyển, trích lợi nhuận để làm từ thiện...

PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC NÔNG DÂN DẪN TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Là khâu quan trọng trong việc tạo nên liên kết ngang (cùng cấp) trong chuỗi giá trị.

Tạo nên vùng sản xuất hữu cơ hàng hóa lớn hơn, chất lượng đồng đều hơn.

Tạo vị thế khi tham gia xây dựng các kênh phân phối rõ nguồn gốc.

Thu hút các doanh nghiệp, siêu thị, nhà hàng cùng tạo nên các chuỗi giá trị hàng hóa bền vững.

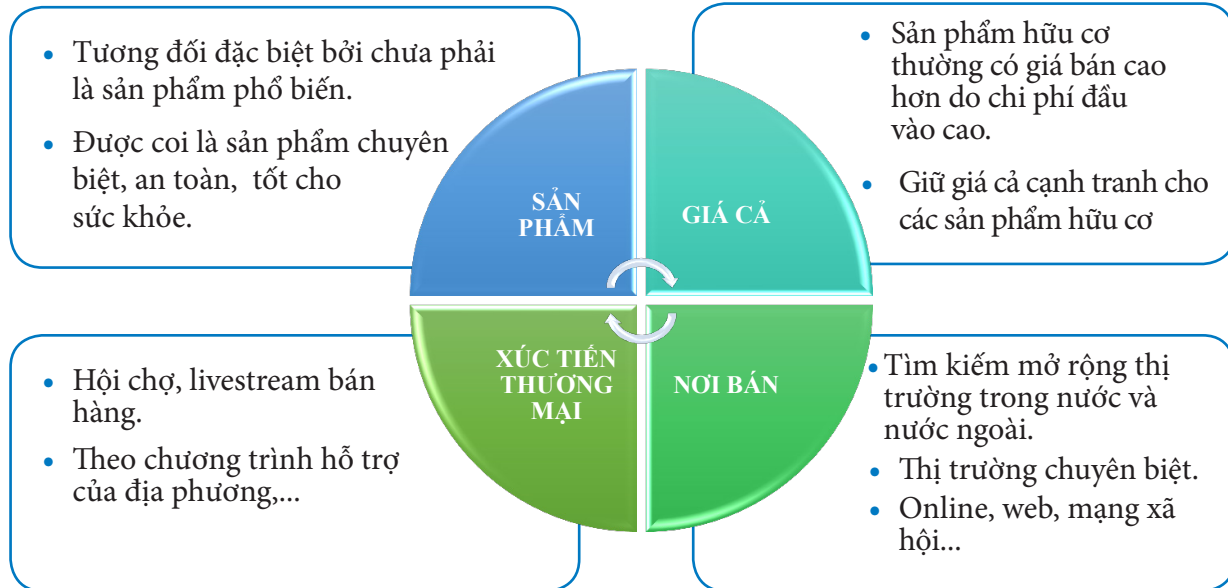
Đăng ký bảo hộ thương hiệu cộng đồng như nhãn hiệu tập thể (NH TT), xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm.

Tham gia đề xuất các chính sách cho người dân thông qua tổ chức chính thức của mình.

Thu hút các nhà tài trợ, các dự án trong và ngoài nước.

Là nơi thể hiện sự tham gia của phụ nữ, người dân tộc, người yếu thế cần được quan tâm thông qua phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC MARKETING CHO SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC TÍNH HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

- Việc tính hiệu quả kinh tế là rất cần thiết trong tất cả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là các hộ tham gia SXNN hữu cơ.

- Chúng ta cần tính hiệu quả trên 01 kg sản phẩm; trên 01 ngày công lao động, trên 01 đơn vị diện tích (ha) và thu nhập của nông dân khi SXNN hữu cơ.

- Tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở tối thiểu hóa chi phí lao động, vật tư, kỹ thuật, tiền vốn tức là xác định, lựa chọn đầu vào, đầu ra một cách tối ưu nhất.

- Tính đúng, tính đủ tất cả các khoản chi phí, vật tư, lao động, tiền vốn cho sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, sản lượng. Nâng cao cơ hội, giúp người sản xuất chủ động tham gia vào thị trường.

Ví dụ: Mặc dù năng suất lúa hữu cơ chỉ đạt từ 4,3 - 5 tấn/ha, giảm khoảng 1,1 tấn/ha so với sản xuất lúa thông thường, nhưng bù lại tổng chi phí sản xuất lúa hữu cơ giảm 1,1 triệu đồng/ha.

Bên cạnh đó, giá lúa hữu cơ cao hơn lúa thường trên 2.000 đồng/kg nên đảm bảo cho nông dân có lãi cao hơn 3 triệu đồng/ha so với ngoài mô hình.

CÁCH TÍNH LỢI NHUẬN TRONG NÔNG NGHIỆP

Khái niệm: Lợi nhuận là phần chênh lệch thu được giữa doanh thu (TR) và tổng chi phí sản xuất (TC) của hàng hoá.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

Doanh thu được tính bằng cách nhân số lượng hàng bán (Q) với giá bán (P) và sau đó cộng thêm các nguồn thu nhập nếu có như phụ phẩm, phế phẩm (rơm rạ, phân trâu bò, bã đậu, bột, cành, lá quế,...)

$$\text{Tổng doanh thu} = (Q \times P) + \text{những nguồn thu nhập khác}$$

Ví dụ: Kết hợp với việc trồng lúa hữu cơ, các hộ nông dân cũng đã tận dụng rãnh xả mặn có diện tích khoảng 0,4 ha để nuôi thêm tôm càng xanh. Bình quân năng suất tôm ở mô hình lúa hữu cơ xen tôm càng xanh là 500 kg/ha; cho doanh thu đạt 70 triệu đồng/ha, trừ chi phí còn cho thu nhập khoảng 40 triệu đồng/ha.

* *Lưu ý:*

Trong hạch toán kinh tế ngành nông nghiệp cần lưu ý đến sản phẩm hao hụt và cách tính chi phí lợi nhuận cho một lô hàng có tỷ lệ hao hụt. Hao hụt sản phẩm phải được coi là một chi phí và giá trị sản phẩm hao hụt không được tính trong doanh thu (cách tính doanh thu từ hao hụt rất phổ biến).

Để tính được lợi nhuận chính xác rất cần cán bộ khuyến nông tính được các chỉ tiêu như khấu hao tài sản cố định, giá thành sản phẩm.

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

GIẢI PHÁP NÂNG CAO LỢI NHUẬN

Tập trung sản xuất ra sản phẩm NNHC đạt tiêu chuẩn của các thị trường mong đợi.

Tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi bằng các biện pháp thâm canh và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất.

Sử dụng có hiệu quả các loại chi phí, đặc biệt là các chi phí cố định, rút ngắn thời gian sử dụng và giảm mức phân bổ khấu hao trên một đơn vị sản phẩm.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng đầy đủ, tiết kiệm và có hiệu quả các vật tư kỹ thuật, lao động, vốn.

Phải có sự can thiệp, tác động kịp thời của các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách giá cả, tài chính, tín dụng, đặc biệt là chính sách thuế.

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ta áp dụng cách tính khấu hao theo đường thẳng. Cụ thể về khung thời gian trích khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính để xác định thời gian trích khấu hao cho từng loại TSCĐ.

Phương pháp xác định tỷ lệ khấu hao cơ bản:

- Tính khấu hao hàng tháng = Mức trích khấu hao hàng năm chia cho 12 tháng
- Mức khấu hao hàng năm = Nguyên giá của TSCĐ chia cho thời gian trích khấu hao

TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- * Giá thành đơn vị sản phẩm là tổng hợp tất cả các khoản chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm.
- * Phương pháp tính: Có rất nhiều phương pháp tính giá thành, nhưng công thức chung để tính giá thành một đơn vị sản phẩm như sau:

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm (G)} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất (TC)}}{\text{Sản lượng sản phẩm (Q)}}$$

Nếu có giá trị sản phẩm phụ thì việc tính giá thành sản phẩm chính được áp dụng theo công thức sau:

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm (G)} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất (TC) - Giá trị sản phẩm phụ (GP)}}{\text{Sản lượng sản phẩm chính}}$$

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

XÁC ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM

- Khái niệm: Giá bán sản phẩm là số tiền của mỗi đơn vị sản phẩm mà hộ nông dân dự tính có thể thu được từ người tiêu dùng sau khi hộ nông dân trao quyền sở hữu sử dụng sản phẩm đó cho họ.

- Mục tiêu của định giá sản phẩm tiêu thụ: Nhằm tiêu thụ sản phẩm với số lượng nhiều nhất được nhanh chóng, kịp thời và bù đắp được chi phí sản xuất và tiêu thụ, đồng thời thu được lãi nhiều nhất. Cụ thể công thức xác định giá bán sản phẩm như sau:

$$\text{Giá bán} = \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí lưu thông} + \text{Lợi nhuận hợp lý}$$

- Giá bán sản phẩm tăng do ba trường hợp:
 - + Tăng chi phí sản xuất
 - + Tăng cầu quá mức
 - + Phát hành tiền quá mức (lạm phát)

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

ĐỊNH GIÁ BẰNG PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN

Hòa vốn khi: Tổng doanh thu = Tổng chi phí

Tính điểm hòa vốn = Số đơn vị hàng phải bán = Chi phí cố định/(P- Chi phí biến đổi/1 SP)

Ví dụ: chăn nuôi lợn hữu cơ

| STT | Thông số | Tiền (VNĐ) |
|-----|--|------------|
| 1 | Tổng chi phí cố định một năm nuôi lợn (khấu hao chuồng nuôi + ...) | 1.000.000 |
| 2 | Giá bán (P) 01 kg lợn hơi là | 100.000 |
| 3 | Chi phí biến đổi (giống; thức ăn; thú y; khác) | 50.000 |

Vậy cần phải bán được bao nhiêu kg thịt lợn hơi hữu cơ thì người chăn nuôi mới hòa vốn?

Áp dụng công thức trên ta có:

Số kg lợn hơi hữu cơ cần bán là: $1.000.000 / (100.000 - 50.000) = 20$ (kg lợn hơi hữu cơ)

Lưu ý: Với các dự án nông nghiệp hữu cơ cần đầu tư, sửa chữa lớn, thì cần tính thêm các chỉ số như NPV và IRR. Tham khảo thêm các tài liệu chuyên sâu về kinh tế.

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

HIỆU QUẢ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

HIỆU QUẢ VỀ XÃ HỘI:

- Thay đổi nhận thức và thói quen của người tiêu dùng, tạo ra việc làm tại chỗ và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, du lịch tại các nông thôn... thu hút lao động địa phương, đặc biệt là người dân tộc, phụ nữ,... Thay đổi tư duy của nhà làm chính sách, các nhà quản lý và đặc biệt là ý thức của người sản xuất kinh doanh trong chuỗi giá trị nông sản thực phẩm hữu cơ.
- Đặc biệt khi sử dụng sản phẩm hữu cơ mang lại sức khỏe cho con người.

HIỆU QUẢ VỀ MÔI TRƯỜNG:

- Phát triển được nền nông nghiệp hữu cơ sẽ mang lại giá trị bền vững, không sử dụng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật; lợi ích lâu dài về sức khỏe, tạo ra giá trị lớn hơn cho cả xã hội. Hạn chế việc nóng lên của Trái đất và góp phần tìm ra cây trồng vật nuôi ngày càng thích ứng với biến đổi khí hậu.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Đầu tư và chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam những năm gần đây đang được quan tâm, có nhiều HTX, doanh nghiệp và các chủ trang trại đã tự bỏ vốn ra để đầu tư. Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, chúng tôi đã tổng hợp được một số mô hình sản xuất chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ như sau:

Mô hình sản xuất rau hữu cơ Hoa Viên tại Hà Nội

Mô hình sản xuất bưởi đỏ hữu cơ tại Hòa Bình

Mô hình sản xuất lúa hữu cơ tại Trà Vinh

Mô hình sản xuất xuất khẩu chè hữu cơ tại Hà Giang

Mô hình sản xuất xuất khẩu điều hữu cơ tại Bình Phước

Mô hình sản xuất xuất khẩu quế hồi Yên Bái

Mô hình sản xuất sữa hữu cơ của Vinamilk tại Lâm Đồng

Mô hình sản xuất cà phê hữu cơ tại Đắk Lắk

Mô hình gạo hữu cơ tại Quảng Trị



MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU HỮU CƠ HOA VIÊN TẠI HÀ NỘI

THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị: **Trang trại Hoa Viên**

Sản phẩm: Sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)



Sản phẩm rau của trang trại Hoa Viên đạt tiêu chuẩn hữu cơ của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) Certificate No: 91038 Certified Organic by CERES và chứng nhận hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn IFOAM Norms for Organic Production với mã số chứng nhận: VICA S052-PRO-0005.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

Nằm gói mình trên cánh rừng nguyên sinh, trang trại Hoa Viên có những điều kiện lý tưởng để sản xuất sản phẩm hữu cơ. Trang trại bạt ngàn các loại rau rừng và rau bản địa

2013: sản xuất rau hữu cơ với 5.000m² trong điều kiện thuận lợi là đất nguyên sinh chưa bị tác động bởi các tác nhân hóa học và các nguồn gây ô nhiễm.

Nay: 60ha, trong đó có 20 ha mới được cải tạo thêm từ đồi dốc thành những nấc ruộng bậc thang có hệ thống tưới phun mưa tự động giăng mắc khắp các triền đồi, dẫn nguồn nước từ núi Vua Bà.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU HỮU CƠ HOA VIÊN TẠI HÀ NỘI

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

1. Xây dựng hệ thống quản lý hệ sinh thái và đa dạng cây trồng

Áp dụng đa dạng cây trồng bằng phương thức luân canh, xen canh đối với cây rau màu; trồng xen nhiều loại đối với cây lâu năm và trồng cây che phủ đất, cải tạo đất.

Trồng cây và giữ gìn vùng đệm là rừng nguyên sinh. Trang trại hiện nay đang giữ lại hơn 50 ha (chiếm hơn 83% diện tích sản xuất hữu cơ) làm môi trường trường sống cho các loài động vật, thực vật khác nhau bao gồm: kênh rạch, ao hồ tự nhiên, cây cỏ mọc tự nhiên, cây trồng vùng đệm, rừng, vườn quả hỗn hợp.

2. Đất canh tác

Đất canh tác tại trang trại là đất nguyên sinh với các cây bản địa mọc tự nhiên.

Tổ chức làm tăng chất lượng đất, độ phì của đất bằng việc áp dụng các biện pháp quản lý canh tác trồng trọt, trồng cây họ đậu để tận dụng khả năng cố định đạm, kết hợp sử dụng bón phân hữu cơ (là phân giun quế do trang trại trực tiếp sản xuất) và nước đậu tương ngâm ủ.

3. Nguồn nước

Sử dụng nguồn nước mạch từ núi Vua Bà đã được xét nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn. Được dẫn về các bể, téc chứa (tổng dung tích 2000m³), sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt theo công nghệ tiên tiến trên 100% diện tích vườn.

4. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm

Khu vực canh tác hoàn toàn cách ly khu dân cư và đất canh tác của nông dân địa phương. / Quy hoạch nơi bảo quản, khu vực xử lý phân bón, tàn dư thực vật riêng.

Tất cả các chất thải trong quá trình sản xuất, sơ chế được thu gom và xử lý theo quy trình, đảm bảo không gây ô nhiễm cho khu vực sản xuất, sơ chế, nguồn nước và môi trường.

Vệ sinh sạch sẽ các dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, đóng gói, vận chuyển.

Không sử dụng các giống biến đổi gen và các sản phẩm có nguồn gốc biến đổi gen trong quá trình sản xuất.

Vật liệu che phủ làm từ (PE), (PP) sau sử dụng lấy ra khỏi khu vực sản xuất để tái sử dụng và không đốt.

5. Ghi chép, lưu giữ hồ sơ

Ghi chép nhật ký đồng ruộng và lưu giữ hồ sơ về quá trình sản xuất, thu hái, sơ chế biến, vận chuyển sản phẩm.

Cập nhật thông tin về thời tiết nông vụ, tình hình dịch bệnh để điều chỉnh chế độ canh tác phù hợp.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU HỮU CƠ HOA VIÊN TẠI HÀ NỘI

6. Lựa chọn loài và giống cây trồng Chọn để thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng, môi trường sinh thái của trang trại, có khả năng chống chịu sâu bệnh.

Sử dụng giống cây trồng được sản xuất bằng phương pháp hữu cơ, ưu tiên tự nhân giống và các giống cây trồng bản địa như: rau bò khai, rau sắng, rau mỏ, sau sau, rau dền chua đỏ, lạc lày, tầm bóp.

Không sử dụng các cây trồng biến đổi gen.

7. Quản lý, sử dụng phân bón Không sử dụng các loại phân bón vô cơ sản xuất từ chất hóa học

Không sử dụng các loại phân bón vô cơ sản xuất từ chất hóa học

8. Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp Áp dụng đa dạng cây trồng bằng phương thức luân canh, xen canh; trồng cây che phủ đất, cải tại đất.

Dùng thiên địch (ong, chim, cóc, kỳ nhông, rắn,...) để đối chọi các sâu bệnh hại, cắn sắn, bần, bẫy chim, thú, rắn, kỳ nhông,...

Áp dụng biện pháp thủ công để khống chế sâu bệnh ngay từ khi phát sinh: bắt giết sâu, ngắt ổ trứng, ngắt lá bị bệnh hại.

Áp dụng biện pháp thủ công để diệt cỏ dại: nhổ cỏ bằng tay, cuốc tận gốc rễ cỏ.

9. Thu hái, sơ chế và vận chuyển sản phẩm

Sản phẩm được thu hái vào 4 – 5 giờ sáng mỗi ngày. Sau khi sơ chế, sản phẩm được đóng gói, dán tem Rau Hữu Cơ Đại Ngàn rồi vận chuyển ngay đến nơi tiêu thụ.

10. Xử lý cỏ dại, tàn dư thực vật

Toàn bộ cỏ dại khi làm sạch đất canh tác, phế liệu của quá trình sơ chế, tàn dư thực vật sau thu hoạch được thu gom, xử lý ngâm ủ, cho trùn quế ăn.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU HỮU CƠ HOA VIÊN TẠI HÀ NỘI

THỊ TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM

Rau Hữu Cơ Đại Ngàn cung cấp phong phú đa dạng các chủng loại, mùa nào rau nấy như Rau đặc sản: măng tây, bò khai, sachi, củ niễng,... Rau ăn lá: muống, mồng tơi, dền, ngót... Củ quả: mướp, bầu, bí đỏ, bí thơm, bí xanh, su su...

Rau gia vị: gừng, tỏi... Hoa quả: hoa cúc, hoa bưởi, hoa bí, chuối, đu đủ, mít, xoài, thanh long ruột đỏ, gấc, ổi.

Thảo mộc: giảo cổ lam, đương quy, ngưu bang

Sản lượng trung bình mỗi ngày của trang trại Hoa Viên cung cấp ra thị trường vào khoảng 2-3 tấn rau/ngày vào mùa đông và khoảng 1,5 - 2 tấn/ngày vào mùa hè. Hiện nay, rau hữu cơ được tiêu thụ qua hai kênh chính.

Kênh 1: qua các chuỗi cửa hàng như Cleaver Food, Bác Tôm, Big green, Sói Biển, Ecofood, Tâm Đạt,... chiếm khoảng 80%.

Kênh 2: qua hệ thống siêu thị như AEON mall, Metro, Big C,... chiếm khoảng 20%.

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Sự phát triển của Trang trại Hoa Viên không những tạo nên nguồn cung thực phẩm sạch cho thị trường, mang lại doanh thu hàng chục tỷ đồng/năm, mà còn tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động địa phương.

Hiện tại, vào dịp thu hoạch, Trang trại Hoa Viên có khoảng 100 nhân công, trong đó phần lớn là các lao động ổn định, được đóng bảo hiểm và có mức thu nhập ổn định. Hiện nay, trang trại đã hình thành liên kết chuỗi tiêu thụ, có hợp đồng tiêu thụ với các chuỗi cửa hàng, siêu thị, đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU HỮU CƠ HOA VIÊN TẠI HÀ NỘI



Giá trị kinh tế xã hội

Từ ngày có trang trại Hoa Viên tại Yên Bình và Yên Trung, đời sống của người nông dân hai xã trên đã được cải thiện rõ rệt. Trang trại hiện đang sử dụng hàng trăm lao động thường xuyên, trong đó đa số là lao động nữ với mức thu nhập ổn định trên 3 triệu đồng mỗi tháng.

Phát triển mô hình trồng rau và chăn nuôi khép kín

Không chỉ trồng rau, rau rừng hữu cơ, trang trại Hoa Viên còn phát triển một số hoạt động chăn nuôi theo mô hình khép kín từ khâu sản xuất giống, thức ăn chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm. Đây là mô hình chăn nuôi đang được triển khai có hiệu quả và tạo được sản phẩm sạch cho người tiêu dùng.

Giá trị sinh thái và giáo dục

Trang trại Hữu Cơ Hoa Viên còn tạo ra giá trị giáo dục khi đây là địa điểm thường xuyên đón các cháu bé trường mầm non, học sinh, sinh viên tới thăm quan và trải nghiệm. Ở đây khách thăm quan sẽ được hướng dẫn về quy trình trồng rau hữu cơ, cách thu hoạch và được chia sẻ các kiến thức trong sản xuất hữu cơ, trải nghiệm làm nông nghiệp. Những thành công ban đầu của trang trại đã làm đẹp thêm hình ảnh nông thôn mới ở Yên Trung.

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

BÍ QUYẾT CỦA THÀNH CÔNG

Sản phẩm bước đầu thu về lợi nhuận và đạt sản lượng cao là nhờ sự tìm tòi, chịu khó vượt qua những khó khăn ban đầu, mạnh dạn đầu tư và luôn luôn học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

100% lao động trong trang trại được tập huấn về kỹ thuật, kỹ năng, nhận thức hiểu biết về tiêu chuẩn, tiêu chí nông nghiệp hữu cơ.

KHÓ KHĂN

Khó khăn lớn nhất là về vốn, các trang trại hữu cơ muốn vay vốn nhưng đa số ngân hàng không dám cho vay do tính rủi ro của mô hình này cao.

Chi phí đầu tư ban đầu cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ là rất lớn như: cải tạo đất, xây dựng hệ thống nhà màng, nhà lưới, xây dựng hệ thống tưới tiêu tự động, mua các chế phẩm sinh học, vật tư nông nghiệp, đầu tư công nghệ đóng gói, bảo quản và chế biến sau thu hoạch.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Ngoài hướng sản xuất rau hữu cơ, mô hình sẽ tiếp tục áp dụng định trồng các loại cây thảo dược hữu cơ, cây chống oxy hóa và chống lại sự phát triển của các tế bào ác tính.

Sau khi nâng cao được năng suất, lượng sản phẩm được tạo ra nhiều hơn. Trang trại dự kiến sẽ phát triển thêm công nghệ sau thu hoạch, để phục vụ chế biến sấy khô, bảo quản tạo ra nhiều loại sản phẩm, tiếp cận các thị trường hoặc xuất khẩu.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỚI ĐỔ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị: HTX trồng Bưởi hữu cơ và Dịch vụ Nông nghiệp Tân Đông

Sản phẩm: Sản xuất bưởi hữu cơ theo tiêu chuẩn hệ thống đảm bảo có sự tham gia PGS Việt Nam

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ của tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam (TCVN 11041-2:2017) số chứng nhận: 30/CN-TĐC-0031 và chứng nhận hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn IFOAM Norms for Organic Production với mã số chứng nhận riêng cho từng thành viên.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

Hợp tác xã Tân Đông có những điều kiện phù hợp về tự nhiên, thổ nhưỡng... để sản xuất các sản phẩm bưởi hữu cơ.

Việc thuê nhân công cắt tỉa cành, đào rãnh bón phân... cũng giải quyết được vấn đề lao động.

Từ 8.000 m² trồng bưởi hữu cơ ban đầu, đến nay diện tích đất trồng bưởi hữu cơ của Hợp tác xã lên tới hơn 20 ha.

Từ năm 2008, chuyển hẳn sang bưởi hữu cơ 100% vì đất trồng bưởi ở đây rất phù hợp, qua quá trình chuyển đổi không còn bị tác động bởi các tác nhân hóa học và các nguồn gây ô nhiễm. Sản phẩm bưởi của HTX được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh đón nhận.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỚI ĐỎ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

1. Xây dựng hệ thống quản lý hệ sinh thái và đa dạng cây trồng xen

- Áp dụng trồng bưởi bằng phương thức chuyên canh và áp dụng trồng xen canh đối với cây dược liệu (xà, gừng, ớt...); trồng cây che phủ đất, cải tạo đất.
- Trồng cây và giữ gìn vùng đệm là rừng nguyên sinh, hơn 50 ha (chiếm hơn 83% diện tích sản xuất hữu cơ) làm môi trường sống cho các loài động vật, thực vật khác nhau bao gồm: kênh rạch, ao hồ tự nhiên, cây cỏ mọc tự nhiên, cây trồng vùng đệm, rừng, vườn quả hỗn hợp.

2. Đất canh tác

- Đất canh tác tại HTX là đất nông nghiệp được chuyển sang sản xuất Hữu Cơ năm 2008, không bị ảnh hưởng bởi các nguồn gây ô nhiễm.
- Tổ chức làm tăng chất lượng đất, độ phì của đất bằng việc áp dụng các biện pháp quản lý canh tác trồng trọt, trồng cây họ Đậu để tận dụng khả năng cố định đạm, kết hợp sử dụng bón phân hữu cơ là phân chuồng và nước đậu trong, cá ngậm ủ.
- Trồng các cây gừng, ớt, xả để làm chế phẩm sinh học phòng sâu bệnh.

3. Nguồn nước

- Sử dụng nguồn nước (đã được xét nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn quy định, độ tinh khiết cao). Nước sạch này được dùng trên 100% diện tích bưởi của HTX.

4. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm

- Khu vực canh tác có khoảng cách an toàn với khu dân cư và đất canh tác bưởi thường của nông dân địa phương.
- Nơi bảo quản, khu vực xử lý phân bón, tàn dư thực vật được tách riêng.
- Chất thải trong quá trình sản xuất, sơ chế được thu gom và xử lý theo quy trình, đảm bảo không gây ô nhiễm.
- Các dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất, thu hoạch, đóng gói, vận chuyển sản phẩm được vệ sinh sạch sẽ.

5. Ghi chép, lưu giữ hồ sơ

- HTX tổ chức ghi chép nhật ký và lưu giữ hồ sơ về quá trình sản xuất, thu hái, vận chuyển sản phẩm. Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết, tình hình dịch bệnh để điều chỉnh chế độ sản xuất phù hợp.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỚI ĐỎ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

6. Lựa chọn cây trồng

- Tại HTX, cây bưởi là những cây lâu năm tuổi từ 10 đến 25 năm tuổi, hoàn toàn thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng, môi trường sinh thái của HTX, có khả năng chống chịu tốt.
- Cây trồng được chăm sóc bằng phương pháp hữu cơ.

7. Quản lý, sử dụng phân bón

- Không sử dụng các loại phân bón vô cơ sản xuất từ chất hóa học, các loại phân bón hòa tan theo phương pháp hóa học.
- Chỉ sử dụng phân chuồng, phân gà được ủ theo quy định, ngoài ra có phân lân dạng lỏng và nước đậu tương ngâm ủ, phân cá ngâm ủ.

8. Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp

- Áp dụng trồng cây che phủ đất, cải tạo đất (cây họ Đậu: đậu tương, đậu xanh, lạc...).
- Sử dụng chế phẩm sinh học để diệt cỏ dại và sâu bệnh (chế biến bằng gừng ớt...)

9. Thu hái, sơ chế và vận chuyển sản phẩm

- Sản phẩm được thu hái vào tháng 11 đến tháng 1 năm sau tùy độ chín của từng vườn. Sau khi cắt, sản phẩm được tập trung, dán tem rồi vận chuyển ngay đến nơi tiêu thụ.

10. Xử lý cỏ dại, tàn dư thực vật

- Toàn bộ cỏ dại khi làm sạch đất canh tác, phụ phế liệu của quá trình sản xuất, thu hoạch được thu gom, xử lý.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỚI ĐỎ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

THỊ TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM

HTX mỗi năm thu hoạch 1 vụ duy nhất. Bình quân năng suất bưởi ở mô hình bưởi hữu cơ là 25 tấn/ha; cho doanh thu đạt 450 triệu đồng/ha, trừ chi phí 175 triệu đồng/ha còn cho thu nhập khoảng 275 triệu/1ha.

Kênh 1: Tiêu thụ qua thương lái, khách hàng quen, hội chợ chiếm khoảng 98%.

Kênh 2: Tiêu thụ các chuỗi cửa hàng thực phẩm như Bác Tôm, và bán lẻ không đáng kể khác chiếm khoảng 2%.

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Sự phát triển của HTX không những tạo nên nguồn cung bưởi sạch cho thị trường, mang lại thu nhập cao cho người trồng bưởi, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Hiện nay, trang trại đã hình thành liên kết chuỗi tiêu thụ, có hợp đồng tiêu thụ với bạn hàng lâu năm đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm.

CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA MÔ HÌNH

Từ ngày tham gia HTX đời sống của 25 thành viên đã được cải thiện rõ rệt. Ngoài ra HTX hiện đang sử dụng lao động thời vụ tại địa phương.

HTX còn phát triển một số hoạt động chăn nuôi gà và trồng cây dược liệu, bán chế phẩm sinh học. Đây là mô hình trồng bưởi đang được triển khai có hiệu quả và tạo được sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Giá trị giáo dục, khuyến nông vì đây là địa điểm thường xuyên đón các đoàn nông dân, giảng viên, học sinh, sinh viên tới thăm quan và trải nghiệm.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỚI ĐỎ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG CỦA MÔ HÌNH

Sản phẩm phải khác biệt (ở đây là sản phẩm đạt tiêu chuẩn như PGS. Có thị trường cho sản phẩm khác biệt này (xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa ở thị trường cao cấp hơn).

Các tổ chức kinh tế tập thể (THT/HTX) phải đảm đương được các chức năng thị trường hiệu quả hơn, nếu xóa bỏ các tác nhân trung gian khác.

Mô hình thành công cũng nhờ sự quan tâm hỗ trợ chính quyền, đoàn thể sở tại và các cơ quan tổ chức quốc tế khác thông qua các dự án. Sản phẩm thu về lợi nhuận và đạt sản lượng cao là nhờ sự tìm tòi, chịu khó vượt qua những khó khăn, mạnh dạn áp dụng và luôn luôn học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, 100% thành viên HTX và lao động sử dụng trong HTX được tập huấn và hướng dẫn về kỹ thuật, kỹ năng, nhận thức hiểu biết về tiêu chuẩn, tiêu chí nông nghiệp hữu cơ.

Mô hình cần có đầu mối như HTX Tân Đông đứng ra làm đầu mối để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho toàn bộ thành viên và lo đầu ra sản phẩm.

Các mô hình mới nên được quy hoạch thành vùng. Kiểu tổ chức này sẽ giúp cho kiểm soát được quy trình trồng bưởi hữu cơ đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của thành viên, thu hút được nhiều thành viên mới, tận dụng nguồn lao động địa phương tại chỗ.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT BƯỞI ĐỎ HỮU CƠ TẠI HÒA BÌNH

KHÓ KHĂN

- Nhiều khó khăn về vốn
- Toàn xã có 220 ha trồng bưởi nhưng chỉ có 20 ha bưởi an toàn. Diện tích bưởi ở vùng chưa được quy hoạch cụ thể. Hầu hết các hộ trồng bưởi theo phương thức cũ vẫn bón phân bón hóa học phun thuốc.
- Diện tích bưởi còn nhỏ sản phẩm ít, tuy ngon nhưng chưa đủ lớn để tạo danh tiếng. Bưởi không chín đồng loạt mà chín theo từng vườn, khó khăn khi gom số lượng lớn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Ngoài hướng sản xuất bưởi hữu cơ, mô hình sẽ tiếp tục áp dụng định chế biến các các loại cây thảo dược hữu cơ theo hướng sấy lạnh bán lá xông giá trị cao.

HTX có kế hoạch mua máy sản xuất tinh dầu để tận dụng bưởi không đạt chuẩn bưởi rụng, các loại dược liệu tăng cao thu nhập, đa dạng hóa sản phẩm từ vườn bưởi.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TẠI TRÀ VINH

THÔNG TIN CHUNG

Mô hình sản xuất lúa hữu cơ sinh học

Từ năm 2003, thông qua Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Nông nghiệp huyện, các viện, trường, các nhà nông học đã về xã cù lao này để thực nghiệm và hướng dẫn nông dân làm quen với mô hình sản xuất lúa hữu cơ sinh học.

Hiệu quả của mô hình đã mở hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo nên bước ngoặt cho vùng đất hai xã cù lao chuyển mình. Từ đó, đời sống người dân nơi đây từng bước được cải thiện, nhiều hộ trở nên khá giả...

QUY TRÌNH TRỒNG LÚA HỮU CƠ

Trồng lúa hữu cơ vào tháng 9, giống lúa ST24. Bước đầu tiên xả mặn trên đồng ruộng khoảng 15 ngày bằng đánh rãnh khoảng 5m xung quanh ruộng lúa.



lót nền phân hữu cơ KoMix 200 kg/1ha (giá 275 ngàn đồng 1 bao 50 kg)



Xuống giống → 7 đến 10 ngày tiếp theo rải tiếp phân KoMix (200 kg/1ha)



20 ngày sau xả mặn rải thêm phân (100 kg/1ha) → 40 đến 45 ngày sau xả mặn rải thêm phân (100 kg/1ha)



95 ngày sau xả mặn tiến hành thu hoạch lúa.



Trong quá trình chăm sóc lúa hữu cơ, đến thời điểm lúa trở bông không được như mong muốn thì phải dùng thuốc phun bón lá KoMix 201 phun 1 lít/1ha

TIỀM NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BĐKH VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Trồng lúa 1 vụ giúp bố trí được thời vụ phù hợp, ít bị tác động bởi thời tiết cực đoan như hạn hán, xâm nhập mặn.

Việc không sử dụng thuốc BVTV và phân bón vô cơ, đã giúp khôi phục và duy trì hệ sinh thái đồng ruộng, bảo vệ độ phì nhiêu của đất, bảo vệ thiên địch cũng như các loài thủy sinh sống trong ruộng lúa, tạo môi trường thuận lợi cho vi sinh vật có lợi, đất đai được cải tạo tốt hơn, cây lúa phát triển cân đối, môi trường an toàn, hệ sinh thái đồng ruộng đảm bảo, có cá, ốc, cua đồng... cùng sinh sống trên ruộng lúa.

Việc không sử dụng thuốc BVTV, phân hóa học nên sức khỏe người sản xuất được đảm bảo, tạo ra được sản phẩm sạch, chất lượng cho người tiêu dùng.

Về mặt nhận thức: Phát triển nông nghiệp theo phương pháp canh tác hữu cơ không chỉ góp phần tạo ra những sản phẩm hữu cơ có lợi cho sức khỏe con người mà còn nâng cao nhận thức, thay đổi phương thức canh tác trong việc sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, bền vững đảm bảo sản phẩm an toàn, môi trường đất nước không bị ô nhiễm, góp phần bảo vệ môi trường, hệ sinh thái đồng ruộng.

Đảm bảo cho nông dân tránh được thiệt hại do ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay; đồng thời giúp môi trường sinh thái được ổn định trên phạm vi rộng, sản phẩm lúa hàng hóa được an toàn và bền vững.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TẠI TRÀ VINH

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA MÔ HÌNH

Năng suất

Mặc dù năng suất lúa hữu cơ chỉ đạt từ 4,3 - 5 tấn/ha, giảm khoảng 1,1 tấn/ha so với sản xuất lúa thông thường, nhưng bù lại tổng chi phí sản xuất lúa hữu cơ giảm 1,1 triệu đồng/ha. Bên cạnh đó, giá lúa hữu cơ cao hơn lúa thường trên 2.000 đồng/kg nên đảm bảo cho nông dân có lãi cao hơn 3 triệu đồng/ha so với ngoài mô hình. Ngoài ra, nhờ canh tác hữu cơ không sử dụng hóa chất nên nông dân còn có nguồn thu nhập hàng trăm triệu đồng từ nuôi thủy sản xen canh hoặc luân canh, khai thác nguồn thủy sản từ tự nhiên...

Diện tích trồng

Với diện tích 1 ha lúa hữu cơ cho năng suất bình quân 4,5 tấn và giá bán cho Công ty Hồng Tin là 12 ngàn đồng/kg, doanh thu đạt được 54 triệu đồng/ha/vụ. Trừ đi chi phí là 20 triệu đồng/ha/vụ thì thu nhập bình quân từ lúa hữu cơ đạt được là 34 triệu đồng/ha (cao hơn 3 triệu đồng so với trồng lúa thông thường, tương đương 9,7%).

Lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau khi trừ chi phí cơ hội từ công lao động gia đình đạt 25 triệu đồng/ha/vụ. Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu của mô hình sản xuất lúa hữu cơ là 46%.

Thu nhập

Kết hợp với việc trồng lúa hữu cơ, các hộ nông dân cũng đã tận dụng rãnh xả mặn có diện tích khoảng 0,4 ha để nuôi thêm tôm càng xanh. Bình quân năng suất tôm ở mô hình lúa hữu cơ xen tôm càng xanh là 500 kg/ha; cho doanh thu đạt 70 triệu đồng/ha, trừ chi phí còn cho thu nhập khoảng 40 triệu đồng/ha.

MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA HỘ NÔNG DÂN NHỎ

Năm 2009 vận động thành lập tổ sản xuất lúa hữu cơ, chỉ có bốn nông dân đồng tình tham gia, các hộ khác chưa chịu tham gia vì sợ làm không đạt.

Thực tế sản xuất năm đầu, năng suất lúa hữu cơ chỉ thấp hơn so với lúa thông thường một ít; mà ngược lại được bao thu mua với giá cao, cho nên lợi nhuận từ lúa hữu cơ lại nhỉnh hơn.

Nguồn lợi thu từ thủy sản nuôi kết hợp trên ruộng lúa hữu cơ cao gấp hơn hai lần. Vì vậy, sang năm thứ hai đã có thêm 10 người xin tham gia vào tổ sản xuất lúa hữu cơ sinh học.

Từ năm 2016 đến nay đã có 18 hộ thuộc tổ hợp tác trồng lúa hữu cơ ấp Xẻo Ranh với tổng diện tích là 14 ha (bình quân 0,8 ha/hộ).

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TẠI TRÀ VINH

THEO HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ VỚI CÔNG TY

Năm thứ nhất 50% lúa giống, 20% lượng phân bón và thu mua lúa giá cao hơn gấp 1,5 lần so với giá lúa thường cùng loại, cùng thời điểm.

Từ năm thứ hai trở đi, nông dân được hỗ trợ 50% giống, 10% phân bón và thu mua giá lúa cao gấp hơn 1,8 lần.

Các hộ tham gia mô hình được tập huấn và hướng dẫn quy trình sản xuất lúa hữu cơ đúng cách, ghi chép sổ sách tất cả các hoạt động sản xuất như gieo sạ, chăm sóc, bón phân, thu hoạch, phòng trừ sâu bệnh...

KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA MÔ HÌNH

Mô hình sản xuất lúa hữu cơ phù hợp với các vùng trồng lúa tập trung.

Mô hình chi phí sản xuất thấp, dễ áp dụng, đem lại lợi nhuận cao, tạo ra sản phẩm có thị trường ngày càng được mở rộng

Nông dân tránh thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải thiện dinh dưỡng đất...

Tổng điểm đánh giá theo bộ tiêu chí của mô hình đạt 75/100 điểm.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TẠI TRÀ VINH

KHẢ NĂNG NHẢY RỘNG

Chi phí sản xuất thấp, dễ áp dụng, đem lại lợi nhuận cao; đảm bảo cho nông dân tránh được thiệt hại do ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay và giúp môi trường sinh thái được ổn định trên phạm vi rộng, sản phẩm lúa hàng hóa được an toàn và bền vững.

Thực phẩm hữu cơ nói chung và lúa hữu cơ nói riêng ngày càng được người tiêu dùng quan tâm và tiêu thụ.

Thực phẩm organic có giá cao hơn thực phẩm thường bày bán tại các chợ dân sinh từ 20 - 25%, tuy nhiên người tiêu dùng vẫn sẵn sàng chi trả để bảo vệ sức khỏe của gia đình.

Tại Việt Nam, nhất là vùng thành thị gạo hữu cơ được tiêu thụ nhiều hơn do người dân thành thị có mức sống cao hơn nhằm nâng cao và bảo vệ sức khỏe (mặc dù có giá bán dao động từ 40 - 70 ngàn đồng/kg, cao hơn nhiều so với các loại gạo thông thương khác).

Nhu cầu tiêu thụ gạo hữu cơ cũng tăng tại nhiều nước trên thế giới. Chỉ riêng tại châu Âu, gạo hữu cơ, hữu cơ nguyên cám, thị trường tăng khoảng 15% mỗi năm. Ngày càng có nhiều cửa hàng thực phẩm gạo hữu cơ với giá cao gấp 3, gấp 4 so với các gạo trắng trong siêu thị bình dân.

Đây sẽ là cơ hội cho hạt gạo Việt trong thời gian sắp tới để nâng cao giá trị xuất khẩu.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU CHÈ HỮU CƠ TẠI HÀ GIANG

HỢP TÁC XÃ CHẾ BIẾN CHÈ PHÌN HỒ

Sản phẩm: Trà Shan tuyết cổ thụ hữu cơ theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

2008

- Thành lập và có 38 thành viên
- 4 dòng sản phẩm chính: Trà xanh, Hồng Trà, Bạch Trà và Trà đen.

2014

- Áp dụng và đạt tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU)
- 10 - 15 tấn chè khô/năm. 90.000 - 100.000 đ/kg
- Doanh thu 1 - 1,5 tỉ đồng/năm.

2017

- Nhận hỗ trợ của Chương trình CPRP tỉnh Hà Giang
- Đổi mới toàn bộ dây chuyền công nghệ sản xuất, nâng công suất từ 4 tấn chè búp tươi lên 15 tấn/ngày, 250 tấn/năm, mở rộng liên kết sản xuất chế biến với hơn 1.000 hộ, diện tích trên 500 ha.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU CHÈ HỮU CƠ TẠI HÀ GIANG

◆ THỊ TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM VÀ KÊNH PHÂN PHỐI

Thị trường của sản phẩm

- Thị trường tiêu thụ chính: Trong nước 70% (bán lẻ, thông qua các nhà phân phối).
- Xuất khẩu 30% (trực tiếp, thông qua các công ty bán lẻ).
- Xuất bán sản phẩm sang các thị trường lớn như Trung Quốc, Vùng lãnh thổ Đài Loan, Nga và Đức.

Các kênh phân phối



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU CHÈ HỮU CƠ TẠI HÀ GIANG



LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

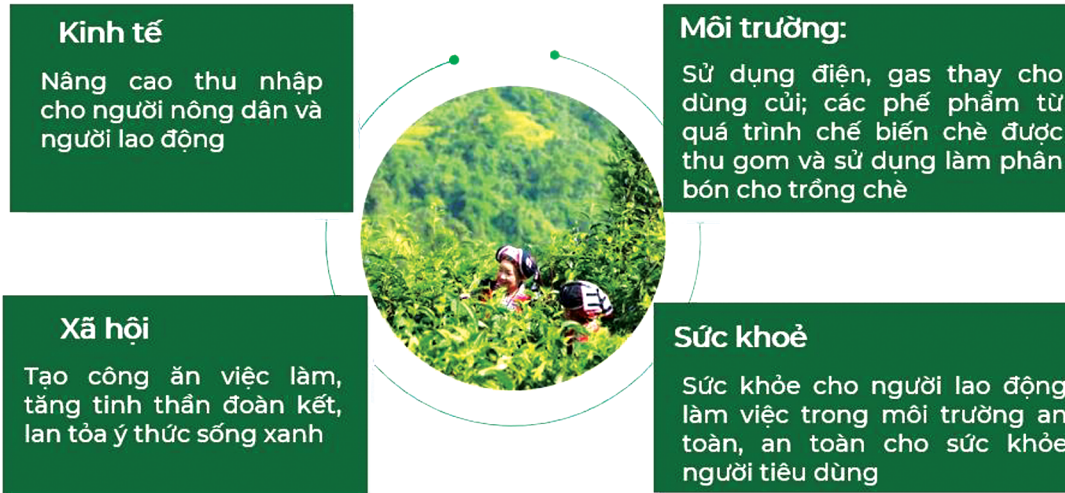
- ▶ Hợp tác xã liên kết với nhóm nông dân.
- ▶ Hợp tác xã bao tiêu thu mua sản phẩm trà búp tươi về chế biến thành các sản phẩm trà khô.
- ▶ Hợp tác xã tìm các đầu mối bao thu mua, bao tiêu sản phẩm trà khô; tiến hành ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH - BÀI HỌC KINH NGHIỆM

| Bí quyết để thành công | Khó khăn | Kế hoạch phát triển |
|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">• Cây chè shan tuyệt phát triển tự nhiên.• HTX luôn tuân thủ những quy định của sản xuất.• HTX đã xây dựng khu phạt cho những trường hợp vi phạm trong sản xuất. | <ul style="list-style-type: none">• Khó khăn trong việc quy hoạch đánh giá chứng nhận hữu cơ.• Nhận thức của các thành viên còn hạn chế.• Nguồn nhân lực quản lý ICS nội không chuyên và còn nhiều hạn chế yếu kém.• Thị trường sản phẩm hữu cơ của HTX còn rất bấp bênh. | <ul style="list-style-type: none">• Duy trì quản lý thực hiện sản xuất, đánh giá chứng nhận hữu cơ EU, tìm kiếm thị trường tiềm năng.• Đào tạo kiến thức về sản xuất sản phẩm, quản lý sản xuất đúng quy trình hữu cơ cho nông dân. |

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU CHÈ HỮU CƠ TẠI HÀ GIANG

HIỆU QUẢ VÀ CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA MÔ HÌNH



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU CHÈ HỮU CƠ TẠI HÀ GIANG

◆ HÌNH ẢNH VỀ MÔ HÌNH HTX PHÌN HỒ



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU ĐIỀU HỮU CƠ TẠI BÌNH PHƯỚC

THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị: **Hợp tác xã Phước Hưng**

Sau thời gian thực hiện chuyển đổi từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ và Fairtrade toàn bộ diện tích trồng điều của HTX Phước Hưng với 720 ha và 134 thành viên HTX đã được tổ chức CONTROONION và tổ chức FLO-CEERT đánh giá và cấp chứng nhận.

Bình quân sản lượng hàng năm đạt 1.800 tấn hạt điều (sản phẩm được chứng nhận Organic và Fairtrade).

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

HTX Phước Hưng triển khai mô hình kinh tế tập trung với các thành viên sản xuất nhỏ (quy mô mỗi thành viên trung bình từ 1 đến 10 ha).

HTX thu mua sản phẩm của thành viên và bán vào các kênh thương mại, các đối tác là các công ty trong nước, lợi nhuận 1,2 tỷ mỗi năm.

HTX Phước Hưng có diện tích trồng điều lớn ở tỉnh Bình Phước, điều kiện thời tiết và điều kiện đất đai lý tưởng cho cây điều phát triển.

- Các thành viên HTX là nông dân, quen thuộc với phương thức canh tác truyền thống, việc chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ là vô cùng khó khăn vì cần thay đổi cả về nhận thức và phương thức sản xuất.

- HTX tìm hiểu, tiếp cận các tiêu chuẩn của tổ chức chứng nhận và tập huấn cho thành viên về các tiêu chuẩn quốc tế, thực hành, tổ chức tham quan mô hình tại các tỉnh và xây dựng phương án quản lý sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn quy định.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU ĐIỀU HỮU CƠ TẠI BÌNH PHƯỚC

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Để quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn USDA & EU. HTX đã thành lập ban thanh tra và giám sát thực hành tiêu chuẩn USDA & EU gọi tắt là ban ICS do Giám đốc HTX làm trưởng ban quản lý và điều hành hoạt động thanh tra và kiểm soát thực hành tiêu chuẩn nội bộ.

1. Tiêu chuẩn nội bộ (Internal Standards)

Các tiêu chuẩn hữu cơ nội bộ này dựa trên các nguyên tắc được quy định trong tiêu chuẩn Quốc tế IFOAM (Liên đoàn Quốc tế các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ):

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo vào các tiêu chuẩn, điều kiện và sự thừa nhận của các nước, khu vực có nền sản xuất hữu cơ phát triển như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Ấn Độ.

2. Thực hiện nghiêm túc truy xuất nguồn gốc

Cán bộ thu mua phân công nhân viên HTX phối hợp thu mua và vận chuyển ra phương tiện vận chuyển của Phước Hưng để vận chuyển về nhà máy chế biến. Nhân viên mua hàng được yêu cầu phải thành thạo với hệ thống kiểm tra nội bộ

3. Vai trò của hộ, các nhóm sản xuất trong quản lý chất lượng sản phẩm

Các hộ nhóm được thiết lập để tự quản lý sản xuất và liên kết với nhau để tạo ra vùng canh tác hữu cơ an toàn, chống nhiễm chéo từ các nông hộ sản xuất thông thường.

HTX không có mô hình trang trại lớn nên không áp dụng phần quản lý sản xuất trang trại độc lập.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU ĐIỀU HỮU CƠ TẠI BÌNH PHƯỚC

THỊ TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM

- HTX chưa có nhà máy để sản xuất chuyên sâu và xuất khẩu sản phẩm nên phải liên kết với các công ty có nhà máy để sản xuất chế biến và xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới.
- Bán phần lớn sản lượng sản phẩm thô cho các công ty, dành một phần chế biến đơn giản như rang muối để bán tại thị trường trong nước.
- HTX xác định mạnh dạn đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu, nâng cấp đội ngũ lãnh đạo và quản lý sản xuất, thay đổi nhận thức của cán bộ và thành viên thông qua đào tạo và tập huấn, xác định các đối tác liên kết, lập phương án sản xuất kinh doanh đúng với định hướng, đánh giá được rủi ro và có hướng khắc phục cụ thể trước khi kinh doanh.
- Tìm kiếm thị trường thông qua năng lực: Phát triển Marketing, website, lập gian hàng hội chợ giới thiệu và quảng bá sản phẩm, thông qua các tổ chức hiệp hội, các công ty và khách hàng trên các kênh thông tin thương mại trong và ngoài nước.

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖ GIÁ TRỊ

- Hình thức liên kết giữa mô hình và các tác nhân khác của chuỗi.
- Liên kết với các công ty có nhà máy hiện đại để chế biến sản phẩm và có nhiều đối tác thương mại là việc làm cần thiết khi HTX chưa có đủ nguồn lực về tài chính để tạo ra chuỗi giá trị khép kín.
- Hợp tác xã, hộ sản xuất và hợp tác xã. HTX cung ứng vật tư đầu vào như phân bón hữu cơ, các loại thuốc phòng trị sâu bệnh thảo mộc, các biện pháp thay thế khi loại bỏ biện pháp canh tác sử dụng hóa chất bị cấm, tập huấn, đào tạo nông dân trong canh tác hữu cơ, hỗ trợ khó khăn, tái thiết cộng đồng, bảo vệ môi trường.
- Các tổ trưởng của tổ sản xuất là kiểm soát viên tham gia giám sát sản xuất hữu cơ của các hộ nông dân và hướng dẫn họ canh tác và khắc phục lỗi vi phạm trong canh tác hữu cơ.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU ĐIỀU HỮU CƠ TẠI BÌNH PHƯỚC

KHÓ KHĂN, CẢN TRỞ VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Khó khăn lớn nhất của HTX là nước ta hiện nay thiếu cơ chế hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển sản xuất điều hữu cơ.

Thiếu vốn đầu tư sản xuất, đa số thành viên là nông dân sản xuất nhỏ nên huy động vốn góp rất hạn chế, HTX cũng không vay được ngân hàng vì không có tài sản thế chấp.

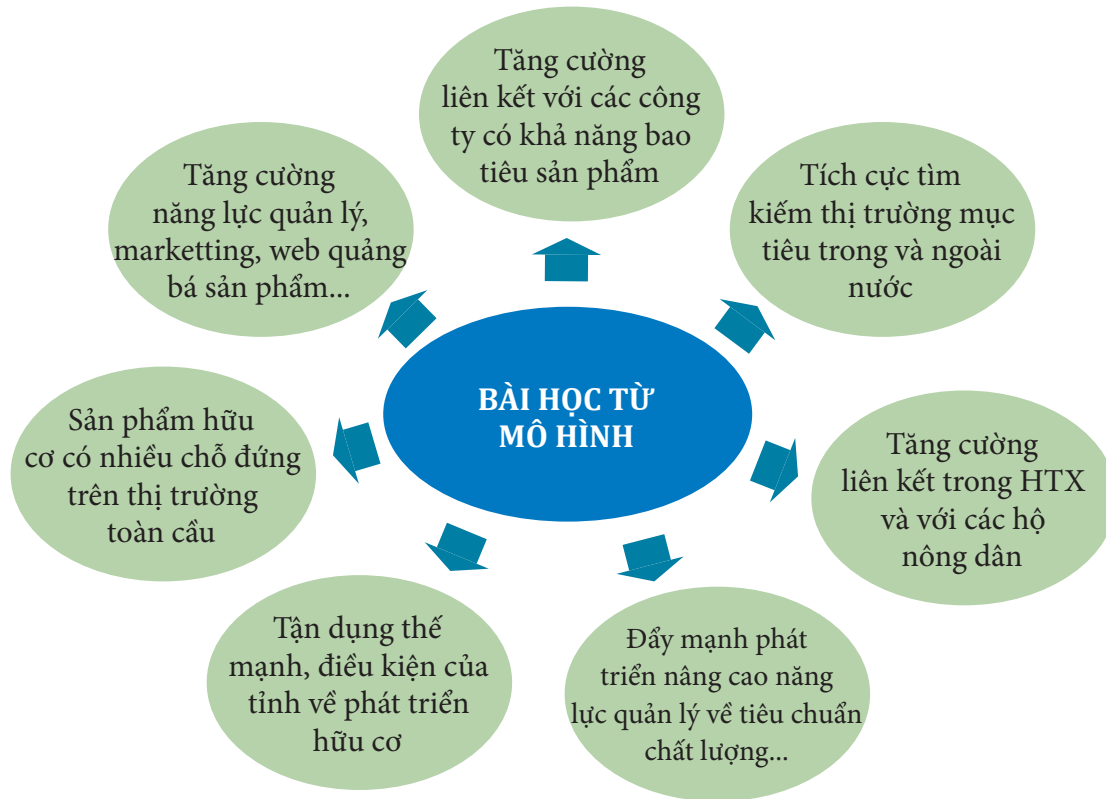
Do không dùng hóa chất nên năng suất cây trồng hữu cơ thấp, sản phẩm hữu cơ nhỏ, hình thức chưa đẹp, năng suất thấp..

Khó khăn trong việc quy mô hóa, tập trung đất cho sản xuất hữu cơ cũng như việc quy hoạch vùng trồng chưa được triển khai hợp lý và thiếu sự ổn định.

Quan trọng hơn, nông nghiệp hữu cơ cần có vùng cách ly với nông nghiệp truyền thống, nhằm ngăn tác động trực tiếp của hóa chất với sản phẩm.

Chi phí đầu tư ban đầu của nông nghiệp hữu cơ thường cao hơn, bình thường từ 2-4 lần là một trở ngại. Trong khi đó, giai đoạn đầu khi chuyển sang sản xuất hữu cơ không mang lại lợi ích kinh tế ngay do phân hữu cơ và các chế phẩm sinh học có tác dụng chậm, giá thành cao. Môi trường cần thời gian thiết lập lại cân bằng sinh thái, thời gian này có thể kéo dài tùy theo mức độ tổn thương.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU ĐIỀU HỮU CƠ TẠI BÌNH PHƯỚC



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV
BSVN - TRANG TRẠI BÒ SỮA
VINAMILK ĐÀ LẠT

Sản phẩm: *Sữa tươi nguyên liệu Organic sản xuất theo tiêu chuẩn: Chứng nhận hữu cơ châu Âu (Organic EU)*

Sản phẩm chính: Sữa tươi nguyên liệu hữu cơ, chế biến, đóng bao bì thành sữa tươi thành phẩm.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

- Công ty đã chính thức khởi công xây dựng trang trại Bò sữa Organic vào đầu năm 2016 tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, với quy mô ban đầu là 500 con bò sữa hữu cơ, tổng vốn đầu tư gần 200 tỷ đồng, diện tích nông trại lên đến 76 ha, hiện đã nâng lên gần 130 ha với tổng đàn hơn 1000 con.

- Công ty chủ động thực hiện canh tác cây ngô, cỏ mombasa đáp ứng tiêu chuẩn để làm nguồn thức ăn cho đàn bò, tuy nhiên do quỹ đất có hạn nên một số nguyên vật liệu cần phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Diện tích khoảng 130 ha, tính đến tháng 09 năm 2021, trang trại có khoảng 1.000 bò/bê. Sản lượng sữa lên đến 12.000 kg/ngày.

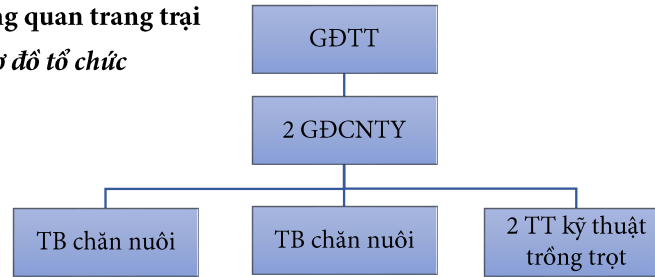
Mô hình: Trang trại.

Số lượng thành viên: Khoảng 50 người.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT SỮA HỮU CƠ CỦA VINAMILK TẠI LÂM ĐỒNG

1. Tổng quan trang trại

1.1. Sơ đồ tổ chức



- ❖ Cấp quản lý: 1 giám đốc trang trại, 2 giám đốc chuyên môn, 2 TB chuyên môn, 2 tổ trưởng kỹ thuật trồng trọt.
- ❖ Tổng số CBCNV: 50 người.



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI



THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM

- Chủ yếu trong nước, phân phối qua hệ thống đại lý, cửa hàng, online và hệ thống của hàng của công ty.
- Thị trường đa dạng, từ nông thôn đến thành thị.
- Hiện đang nhập khẩu nguyên vật liệu từ các công ty nước ngoài, không liên kết hộ nông dân, HTX.



BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG

- Liên kết và duy trì liên kết: Với các công ty cung cấp nguyên vật liệu cho Trang trại, cam kết đúng hợp đồng.
- Quản lý chất lượng: Tuân thủ tốt các tiêu chuẩn và quy trình, hướng dẫn. Kiểm soát tốt các rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- Kinh doanh: Chưa đáp ứng đủ được nhu cầu của thị trường.

KHÓ KHĂN & KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

- Nguồn nguyên liệu, giá thành cao dẫn tới chi phí sản xuất còn cao. Diện tích đất canh tác thức ăn cho đàn bò có giới hạn, cần đáp ứng nhiều tiêu chuẩn.
- Do nhu cầu thị trường còn nhiều, sẽ tiếp tục phát triển, đầu tư xây dựng trên các quỹ đất mà công ty đã có.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT SỮA HỮU CƠ CỦA VINAMILK TẠI LÂM ĐỒNG

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA MÔ HÌNH

Kinh tế: Cho bản thân mô hình và cho những người tham gia, cho cộng đồng.

Xã hội: Tạo thu nhập công ăn việc làm, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng tinh thần đoàn kết.

Tạo thu nhập công ăn việc làm cho người dân địa phương, lan toả các giá trị bền vững về phát triển hữu cơ thông qua sản phẩm, các Tour tham quan và thưởng thức sữa hữu cơ miễn phí tại trang trại để người tiêu dùng trải nghiệm, hiểu rõ giá trị lâu dài của sản phẩm sữa hữu cơ cũng như canh tác hữu cơ đối với sức khỏe con người, môi trường sống, đất đai và khí hậu.

Môi trường: Không còn sử dụng hóa chất.

Đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam, không tác động xấu đến tài nguyên đất và nước. Tuyệt đối không có sử dụng hóa chất; thuốc bảo vệ thực vật hay hormone tăng trưởng; chất biến đổi gen trong mọi hoạt động sản xuất.

Sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường an toàn.

Đáp ứng môi trường lao động làm việc an toàn và không ảnh hưởng sức khỏe. Trước tiên là môi trường trong lành, không tiếp xúc với hoá chất, tiếp theo là được thực hiện quan trắc môi trường làm việc hàng năm theo quy định của Nhà nước được thực hiện bởi bên thứ 3.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

HÌNH ẢNH KHU SẢN XUẤT VÀ SẢN PHẨM CỦA TRANG TRẠI



MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất khẩu quế hồi Việt Nam

Tên viết tắt: Vinasamex, JSC

Sản phẩm: Quế, hồi, gia vị hữu cơ (gừng, tiêu, tỏi, ớt, nghệ,...), tinh dầu hữu cơ

Công ty có 02 nhóm sản phẩm thế mạnh là quế và hồi, bên cạnh đó có các loại gia vị hữu cơ khác như gừng, nghệ, tiêu, tỏi, ớt.

Các tiêu chuẩn, chứng nhận:

- Chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm: BRC, HACCP, ISO 9001: 2015, Kosher;
- Chứng nhận ORGANIC: USDA, EU, JAS, KOREA;
- Chứng nhận Fair for life, For life, Biotrade;
- Thành viên của Liên minh Thương mại Đa dạng sinh học có đạo đức UEBT;
- Thành viên Hiệp hội gia vị Thế giới, thành viên hiệp hội tinh dầu thế giới;
- Đang tiến hành đánh giá chứng nhận RA (Rainforest Alliance).

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

TẬP QUÁN SẢN XUẤT

- Trước thực trạng bà con còn giữ tập quán sản xuất canh tác cây quế, hồi từ lâu đời, lại không có diện tích đủ rộng, điều kiện kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất đủ tốt để đáp ứng quy trình sản xuất quế hồi sạch, Vinasamex đã quyết định xây dựng nhà máy chế biến quế hồi.

THỜI GIAN ĐẦU

- Thu mua, xuất khẩu với giá thấp, chất lượng sản phẩm không đồng đều.
- Nhận thấy tiềm năng có thể phát triển để xuất khẩu nhiều thị trường cao cấp.
- Vinasamex thay đổi chiến lược kinh doanh của công ty là tập trung sản xuất những sản phẩm quế hồi hữu cơ tốt nhất có thể đáp ứng yêu cầu khắt khe của những thị trường khó tính nhất như châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc...

VINASAMEX - ĐƠN VỊ TIỀN PHONG

- Vinasamex đã nâng cao được giá trị của quế hồi Việt.
- Xin cấp giấy chứng nhận hữu cơ cho các vùng nguyên liệu với tổng diện tích 4.200 ha của gần 3.000 hộ nông dân đồng hành trọn vẹn 5 năm với tinh thần quyết tâm, cũng như luôn đồng hành cùng người dân xây dựng cuộc sống mới, khẳng định chất lượng sản phẩm Việt Nam.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Công ty quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế của 4 thị trường cao cấp: EU, USDA, JAS, KOREA với hệ thống thanh tra viên nội bộ ICS được đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Giám sát theo PGS.

Cơ cấu tổ chức thanh tra, giám sát nội bộ chất lượng sản phẩm tiêu chuẩn PGS của HTX: gồm ban giám đốc, phòng đảm bảo chất lượng, cán bộ địa phương (cấp xã), cán bộ nông cốt cơ sở (trưởng, phó các nhóm), tổ chức NGO, người tiêu dùng.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CẤP CHỨNG NHẬN

Các hộ nông hộ phải tham gia tập huấn tiêu chuẩn, cam kết và ký thỏa thuận tham gia canh tác hữu cơ với các điều khoản đã được thể hiện rõ trong thỏa thuận.

Không dùng hóa chất trên cây trồng, không dùng chất biến đổi gen, kích thích sinh trưởng để bảo vệ tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học,...

Vượt qua các kỳ đánh giá nội bộ và đánh giá chứng nhận.

VAI TRÒ CỦA HỘ, CÁC NHÓM SX

Vai trò cốt lõi trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, bản thân nông hộ phải có ý thức “sạch từ tâm”.

Vai trò tích cực trong việc hướng dẫn, giúp đỡ, truyền cảm hứng cho các nông hộ thực hiện quy trình canh tác hữu cơ.

Đặc biệt vai trò giám sát sự tuân thủ của người dân được thể hiện rất tích cực, các nông hộ trong quá trình canh tác trên đối, gò nhà mình có thể phát hiện và báo cáo kịp thời các trường hợp sai lỗi trong quá trình sản xuất.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT, TƯỚC QUYỀN SỬ DỤNG

| Biện pháp phạt | Trường hợp áp dụng |
|--|--|
| 1. Cảnh cáo bằng văn bản | <ul style="list-style-type: none">• Thiếu sót nhỏ trong việc lưu ghi sổ sách.• Hệ thống sản xuất không hoàn hảo. |
| 2. Phạt tiền Vinasamex sẽ phạt người đồng dân vi phạm một khoản tiền lên tới 300.000 đồng | <ul style="list-style-type: none">• Vi phạm nhỏ về tiêu chuẩn hoặc quy định.• Cảnh cáo bằng văn bản lần thứ 3 cho 1 lỗi.• Không thực hiện điều kiện phê chuẩn.• Sai sót lớn trong việc lưu ghi sổ sách. |
| 3. Đình chỉ Vinasamex sẽ không mua sản phẩm của hộ sản xuất trong một thời gian nhất định cho đến khi hộ sản xuất thực hiện yêu cầu sửa đổi Vina Samex đã đưa ra. | <ul style="list-style-type: none">• Lặp lại lỗi vi phạm nhỏ về tiêu chuẩn hoặc quy định.• Vi phạm rõ ràng các tiêu chuẩn nhưng chưa đe dọa đến phẩm chất hữu cơ của sản phẩm. |

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT, TƯỞC QUYỀN SỬ DỤNG

| | |
|--|--|
| <p>4. Thu hồi phê chuẩn</p> <p>Nông dân không được bán sản phẩm với tư cách là sản phẩm hữu cơ cho Vinasamex trong một khoảng thời gian (có thể lên tới 36 tháng).</p> | <ul style="list-style-type: none">• Vi phạm rõ ràng các tiêu chuẩn đe dọa để phẩm cất hữu cơ của sản phẩm. Ví dụ: Việc sử dụng thuốc trừ sâu đã bị cấm hoặc các loại phân bón tổng hợp. |
| <p>5. Chấm dứt tư cách thành viên</p> <p>Người nông dân bị huỷ bỏ tư cách thành viên dự án của Vinasamex vĩnh viễn hoặc trong khoảng thời gian quy định.</p> | <ul style="list-style-type: none">• Lặp lại các vi phạm dẫn đến việc phạt tiền, đình chỉ hoặc thu Hồi/Quế phê chuẩn.• Gian lận rõ ràng• Có ý cản trở hoạt động thanh tra, ví dụ: từ chối không cho việc kiểm tra viên tiếp cận.• Từ chối trả lời yêu cầu bằng văn bản về việc cung cấp thông tin bổ sung.• Sản xuất song song cây trồng hữu cơ với cây trồng truyền thống. |

MÔ HÌNH SẢN XUẤT XUẤT KHẨU QUẾ HỒI TẠI YÊN BÁI

THỊ TRƯỜNG

- 04 thị trường chính là: Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc.
- Các kênh phân phối của sản phẩm:
 - Kênh xuất khẩu quốc tế;
 - Kênh bán hàng lẻ.

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

- Liên kết dọc trong chuỗi: Công ty liên kết trực tiếp với người nông dân, thành lập tổ nhóm sở thích để triển khai tập huấn tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, khai thác theo chuỗi hữu cơ.
- Triển khai đánh giá nội bộ và đánh giá chứng nhận bởi tổ chức độc lập quốc tế, Công ty thu mua toàn bộ sản phẩm của bà con đáp ứng tiêu chuẩn hữu cơ về nhà máy đạt chuẩn hữu cơ của Công ty.
- Các nhà nhập khẩu và người tiêu dùng đảm bảo nhận được sản phẩm đúng chất lượng, có hồ sơ truy xuất nguồn gốc minh bạch rõ ràng, có chế độ chăm sóc và tiếp nhận xử lý khiếu nại khách hàng đảm bảo sự hài lòng về chất lượng dịch vụ.
- Tổ chức nông dân và hợp tác xã có vai trò là cầu nối, liên kết để hỗ trợ bà con trong chuỗi thực hiện, hỗ trợ ICS đôn đốc sự tuân thủ, đánh giá giám sát nội bộ và phản hồi kịp thời các thông tin mùa vụ, thời tiết, dịch bệnh hay các vi phạm khác.

Kinh tế

Người nông dân được tiếp cận với quy trình canh tác chuẩn, giúp nâng cao năng suất và chất lượng của sản phẩm để cung cấp cho công ty sản phẩm đạt chất lượng, bán được với giá cao hơn giá thị trường đặc biệt đầu ra ổn định giúp dân yên tâm sản xuất, tăng thu nhập cho bà con, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Xã hội

Công ty xây dựng nhà máy tại chính vùng nguyên liệu và ưu tiên tuyển dụng con em của những nông hộ trong chuỗi giá trị về làm việc, nhất là các chị em phụ nữ, nhóm yếu thế. Giải quyết công ăn việc làm thời vụ cho các lao động dư thừa tại địa phương giúp cho người dân có thêm thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội, hạn chế tệ nạn xã hội do dư thừa lao động và đói kém tạo ra.

Môi trường

Không canh tác hóa chất, không dùng thuốc diệt cỏ, quản lý rác thải nguy hại, không đốt lá cây, rơm rạ,... đã góp phần đáng kể trong việc bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

Sức khỏe

Người lao động không phải tiếp xúc với hóa chất độc hại sẽ giúp bảo vệ sức khỏe, được tập huấn các phương pháp phòng tránh rủi ro trong trồng trọt, thu hái để có thể có được kiến thức bảo vệ mình. Với công nhân làm việc trong nhà máy được khám sức khỏe định kỳ, được làm trong môi trường an toàn.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ HỮU CƠ TẠI ĐẮK LẮK

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty: Công ty TNHH SX và TM Vương Thành Công

Tên mô hình: Chuyển đổi canh tác và sản xuất cà phê hữu cơ

Sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn: Nông nghiệp hữu cơ

Sản phẩm chính:

* *Cà phê mộc đặc biệt Vương Thành Công*: 100% cà phê Robusta được tuyển chọn từ những trái cà phê chín mọng trên mảnh đất Bazan Buôn Ma Thuột được sản xuất theo quy trình hữu cơ, sơ chế chế nguyên liệu theo phương pháp Honey.

* *Cà phê sấy lạnh*: dòng sản phẩm cà phê hòa tan 1 in 1.

* *Trà hoa cà phê*: tinh hoa cà phê - 100% hoa cà phê.

* *Trà Cascara*: được chế biến từ vỏ của trái cà phê.

* *Vang cà phê*: từ vỏ thịt của trái cà phê.



ROBUSTA 60% - 40%ARABICA



T/P Trà hoa Cà phê



Trà hoa Cà phê
tốt sức khỏe

MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ HỮU CƠ TẠI ĐẮK LẮK

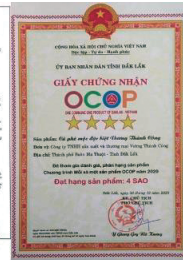
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 2007: Hình thành ý tưởng

Năm 2015: Ông Lê Vương quyết định thành lập Công ty TNHH sản xuất và thương mại Vương Thành Công. Canh tác thí điểm 1,4 ha vườn cà phê của gia đình và đi tìm các chủ vườn cà phê có thổ nhưỡng tốt, có địa thế theo tiêu chuẩn để làm cà phê sạch theo hướng hữu cơ.

Năm 2019: diện tích 10ha, nhân cà phê thu hoạch có giá bán cao hơn 40 - 70% so với cách canh tác thông thường, sản lượng thu hoạch thì tương đương với cách trồng cà phê thông thường nên mang về nguồn doanh thu cao hơn.

Năm 2021: Công ty đã liên kết với bà con nông dân với diện tích trồng 16 ha và đạt sản lượng 48 tấn/năm. Đồng thời, giúp bà con liên kết thu nhập cao hơn 40 - 70% so với thông thường, có nhà tăng 5 - 7 lần nhờ làm thêm trà cascara và trà hoa cà phê.



MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ HỮU CƠ TẠI ĐÀK LẮK

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cơ cấu tổ chức thanh tra, giám sát nội bộ chất lượng sản phẩm tiêu chuẩn PGS của công ty: Theo định kỳ 1 tháng kiểm tra giám sát nội bộ chất lượng sản phẩm 1 lần.

Các quy định về xử phạt, tước quyền sử dụng: Quy định cán bộ nhân viên vi phạm 1 lần nhắc nhở riêng, 2 lần phê bình trước cuộc họp công ty, 3 lần phạt tùy theo mức độ, trên 3 lần cho thôi việc hoặc giáng chức đối với lãnh đạo.

Điều kiện để cấp chứng nhận cà phê hữu cơ:

Không sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, nguồn nước ô nhiễm tưới cây.

Kết quả dựa trên xét nghiệm mẫu đất, nước, không khí và sản phẩm. Tiêu chí quan trọng nhất cho sản phẩm cà phê hữu cơ là: Không tồn dư thuốc BVTV cũng như kim loại nặng.

Đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn hữu cơ trên ba năm.

Các nhóm sản xuất trong quản lý chất lượng sản phẩm, đóng vai trò rất quan trọng và thiết thực, vì ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

THỊ TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM

- Thị trường tiêu thụ chính: Trong nước
- Các kênh phân phối sản phẩm:
- Phân phối online: Facebook, zalo, website, gmail, youtube;
 - Phân phối offline: Siêu thị Copmart, cửa hàng đặc sản, cửa hàng bán sản phẩm OCOP, tạp hóa, kênh chuỗi, quán cà phê, các hội chợ triển lãm, các cuộc hội nghị hội thảo, các chương trình của tỉnh, phường, xã;
 - Sàn thương mại điện tử: Shoppe, Lazada, Sendo.
- Cần hàng chất lượng (phù hợp với “thị hiếu” từng vùng miền), giá cả phải chăng, an toàn.

LIÊN KẾT VÀ ĐIỀU PHỐI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

- Hình thức liên kết giữa mô hình và các tác nhân khác của chuỗi: **Công ty, HTX và hộ dân.**
- Quá trình hình thành liên kết, vai trò của tổ chức nông dân, HTX trong liên kết: Cung cấp vật tư đầu vào, chuyển giao khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, thu hoạch, sơ chế chế biến cùng với các hộ sản xuất, HTX, giám sát quá trình sản xuất, nhắc nhở và phạt những hộ làm sai quy trình nhằm đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng, bao tiêu sản phẩm...

KHÓ KHĂN, CẢN TRỞ VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

- Khó khăn trong việc xây dựng vùng nguyên liệu rộng lớn liên thổ liên canh.
- Khó khăn trong việc tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm.
- Nhiều nông dân tâm lý còn e ngại, chưa tin rằng sản xuất theo quy trình hữu cơ sẽ có lợi hơn.
- Kế hoạch: Hợp tác với bà con nông dân, mở rộng diện tích trồng cà phê hữu cơ.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ HỮU CƠ TẠI ĐẮK LẮK

CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA MÔ HÌNH

Kinh tế: Cho bản thân mô hình và cho những người tham gia, cho cộng đồng.

Tăng **thu nhập** lên ít nhất 40% so với sản xuất thông thường.

Xã hội: Tạo thu nhập, công ăn việc làm, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng tinh thần đoàn kết...

Môi trường: Bảo vệ môi trường, không còn sử dụng hóa chất.

Sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường an toàn.

BÍ QUYẾT CỦA THÀNH CÔNG

Liên kết và duy trì liên kết: Làm mẫu để mọi người cùng nhìn vào thực tế làm theo, kỷ luật trong quá trình liên kết.

Quản lý chất lượng: Tuân thủ nghiêm ngặt theo quy trình, trung thực xuyên suốt các khâu trong quy trình.

Kinh doanh tìm kiếm thị trường organic: Truyền thông chứng minh để mọi người hiểu về giá trị cũng như tầm quan trọng của sản xuất cà phê organic.

Giáo dục mọi người có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe thông qua sản xuất cà phê organic.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT GẠO HỮU CƠ TẠI QUẢNG TRỊ

THÔNG TIN CHUNG HTX

Tên đơn vị: HTX Nông sản sạch canh tác tự nhiên Triệu Phong

Sản phẩm gạo hữu cơ được sản xuất phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Quốc gia: TCVN 11041-2:2017.



MÔ HÌNH SẢN XUẤT GẠO HỮU CƠ TẠI QUẢNG TRỊ

2017 - 2018

- Nhận hỗ trợ của Tổ chức Tầm nhìn Thế giới - KOICA.
- Thành lập và có 88 thành viên (7 nhóm sản xuất tại 3 xã huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị).
- Đào tạo kỹ thuật sản xuất theo hướng tự nhiên theo bối cảnh địa phương (áp dụng vi sinh vật bản địa IMO do người dân tự làm) và mở rộng quy mô.
- Hỗ trợ quy hoạch vùng sản xuất và hệ thống tưới tiêu độc lập và chủ động.

2019 - 2020

- Áp dụng hình thức canh tác tự nhiên và đạt tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam.
- Đẩy mạnh liên kết thị trường.
- Là sản phẩm chủ lực tỉnh Quảng Trị.
- Doanh thu 2,2 tỷ - 2,5 tỷ/năm.
- Đầu tư hệ thống máy xay xát và cơ sở hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn.
- Đạt tiêu chuẩn 4 sao OCOP (2020).
- Mở rộng diện tích: từ 3 ha lên 40 ha.

2021

- Có 150 thành viên (7 nhóm sản xuất tại 3 xã huyện Triệu Phong với 50 ha).
- Ký kết hợp đồng cung ứng cho 3 doanh nghiệp trên 3 tỉnh Đà Nẵng, Sài Gòn và Quảng Trị với tổng sản lượng 200 tấn/năm.

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM VÀ KÊNH PHÂN PHỐI

- **Thị trường tiêu thụ chính:** 70% xuất bán cho các doanh nghiệp trong nước gồm các sản phẩm lúa và gạo thô.
- **Bán lẻ:** 30% tiêu thụ hộ gia đình và bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng trong tỉnh.



HTX ⇒ Công ty Vitamart Đà Nẵng (100 tấn/năm) ⇒ Sơ chế chế biến các loại sản phẩm dinh dưỡng ⇒ Bán lẻ

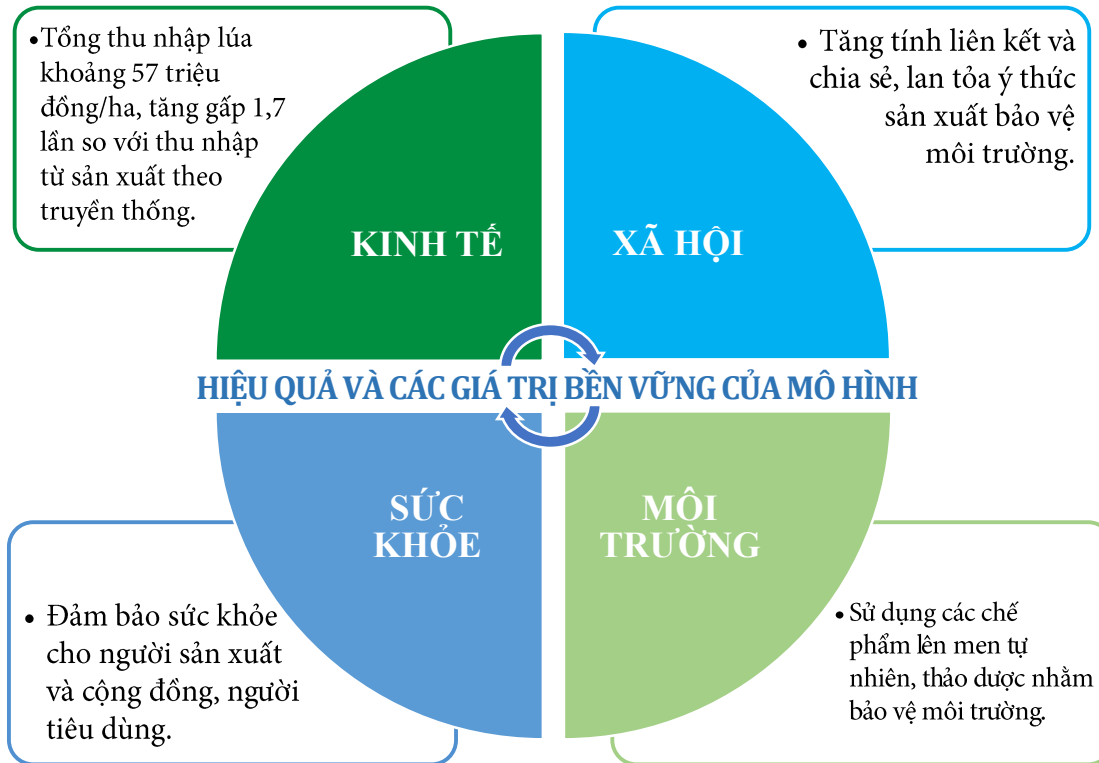


HTX ⇒ Công ty Đà Lạt Foodies - TP Hồ Chí Minh ⇒ Bán lẻ



HTX ⇒ Các cửa hàng nông sản sạch tỉnh Quảng trị ⇒ Bán lẻ

MÔ HÌNH SẢN XUẤT GẠO HỮU CƠ TẠI QUẢNG TRỊ



MÔ HÌNH SẢN XUẤT GẠO HỮU CƠ TẠI QUẢNG TRỊ

KHÓ KHĂN

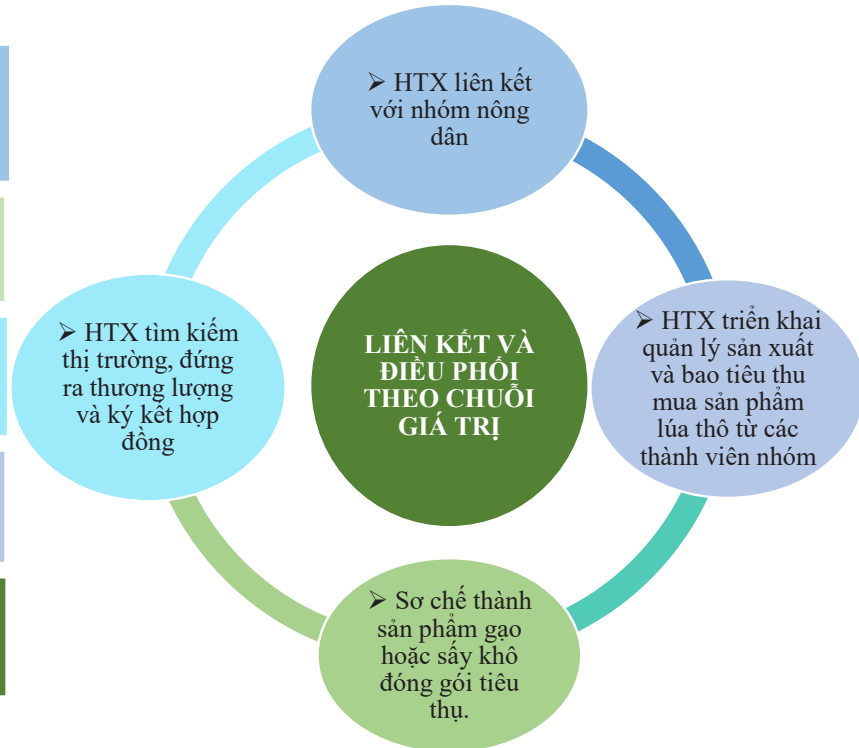
➤ Sản xuất nhỏ manh mún, vốn ban đầu của HTX ít

➤ Đồng ruộng chưa có quy hoạch

➤ Năng lực quản lý còn hạn chế, đặc biệt liên kết thị trường và marketing

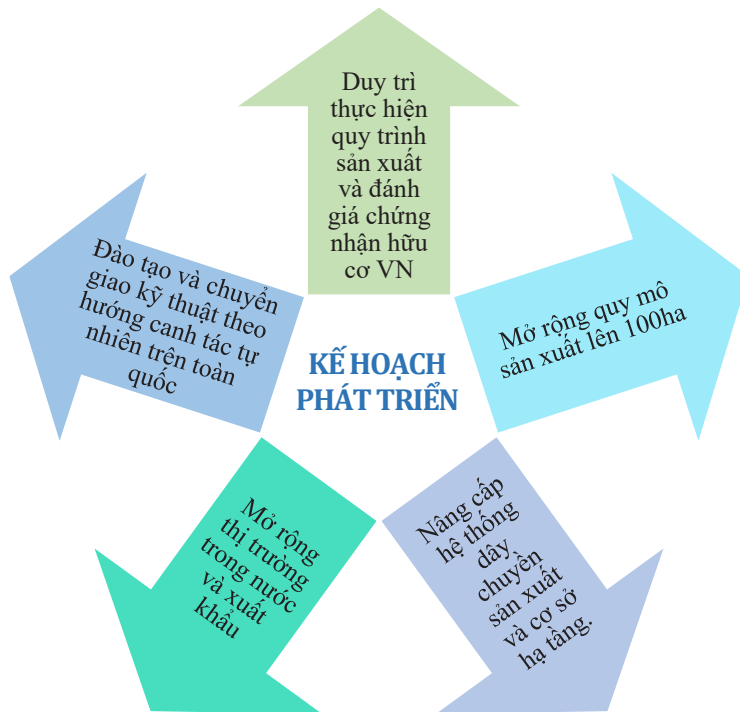
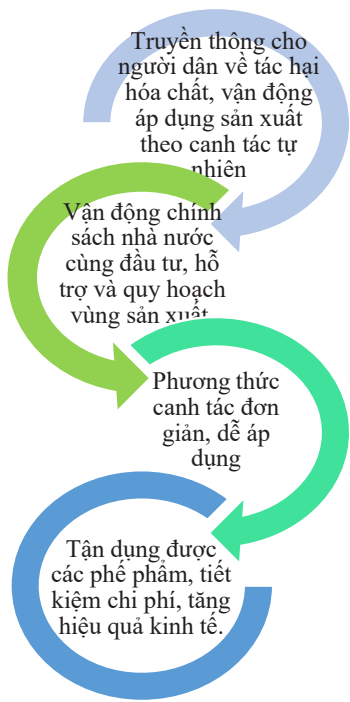
➤ Thị trường chưa biết đến sản phẩm của HTX

➤ Chi phí xác nhận Chứng nhận hữu cơ 2 năm/lần



MÔ HÌNH SẢN XUẤT GẠO HỮU CƠ TẠI QUẢNG TRỊ

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG



KHUYẾN NGHỊ KHI SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Tùy từng đối tượng học và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, giảng viên dựa trên tài liệu này và kết hợp với các tài liệu kỹ thuật chuyên sâu về cây con cụ thể, các mô hình thực tế đang có tại địa phương để biên soạn thành các bài giảng phù hợp.

Khi sử dụng tài liệu này cần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; các bài tập tính toán hiệu quả kinh tế cần được làm trên lớp; nên lựa chọn một hai mô hình đã sản xuất hữu cơ để giúp học viên tham quan học tập.

Trong quá trình dạy cần thực hành các phương pháp giảng dạy khác nhau ví dụ: sử dụng phim, hình ảnh, câu chuyện, các trò chơi... nhằm giúp các học viên dễ hiểu và dễ áp dụng.

Chương trình giảng dạy không vượt quá 7 ngày, có thể tham khảo khung chương trình sau:

Ngày 1: Khai mạc: Giảng bài 1 và 2

Ngày 2: Giảng bài 3 và 4

Ngày 3: Thực hành bài 4, chuẩn bị đi thực địa

Ngày 4: Giảng bài 5. Giới thiệu và phân tích bài học từ các mô hình

Ngày 5: Đi tham quan học tập thực tế

Ngày 6: Học viên tập giảng

Ngày 7: Học viên tập giảng, ôn tập và tổng kết

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI NÓI ĐẦU | 3 |
| TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ | 5 |
| 1. Hiện trạng nông nghiệp hữu cơ trên thế giới và Việt Nam | 5 |
| 2. Khái niệm về nông nghiệp hữu cơ | 7 |
| 3. Nguyên tắc của nông nghiệp hữu cơ | 8 |
| 4. Lợi ích của nông nghiệp hữu cơ | 14 |
| 5. Cơ hội và thách thức trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam | 17 |
| TIÊU CHUẨN, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ | 24 |
| PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ | 38 |
| HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ | 42 |
| MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM | 49 |
| KHUYẾN NGHỊ KHI SỬ DỤNG TÀI LIỆU | 101 |



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. LÊ LÂN

Biên tập và sửa bản in
ĐINH VĂN THÀNH

Trình bày, bìa
VŨ HẢI YẾN

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
167/6 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (024) 38523887, (024) 38521940 - Fax: 024.35760748
Website: <http://www.nxbnongnghiep.com.vn>
Email: nxbnn1@gmail.com

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 38299521, 38297157 - Fax: (028) 39101036

In 400 bản khổ 20,5 × 14,5cm tại Xưởng in NXB Nông nghiệp.
Địa chỉ: Số 6 ngõ 167, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
Đăng ký KHXB số 4718-2021/CXBIPH/2-205/NN ngày 21/12/2021.
Quyết định XB số: 73/QĐ-NXBNN. ISBN: 978-604-60-3443-8.
In xong và nộp lưu chiểu quý I/2022.

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



63 – 630
NN – 2021 – 4/204 – 2021

ISBN 978-604-60-2847-5



Sách không bán